SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001715 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; đăng ký thay đổi lần thứ 9, số 0303141296 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: . . ./ĐKNY do…… cấp ngày . . . tháng. . . năm . . .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 067.3680383 -3680434

Fax: 067.3680382

Website: www.idiseafood.com

2. Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84.04) 37262600

Fax: (84. 04) 37262601

Website: www.tls.vn

Bloomberg: TLSV<GO>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Nguyễn Văn San - Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 067.6296802 - 067.3680383

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001715 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; đăng ký thay đổi lần thứ 8, số 0303141296 ngày 18 tháng 12 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần

Tổng số lượng niêm yết: 38.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết *(theo mệnh giá)*: 380.000.000.000 VND

❖ **Tổ chức tư vấn**

Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long (TLS)

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.04) 37262600

Fax: (84. 04) 37262601

❖ **Tổ chức kiểm toán**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

Trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38205944-38205947

Fax: (84.8) 38205942

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 9
4. Rủi ro khác 9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH10
1. Tổ chức niêm yết 10
2. Tổ chức tư vấn 10
III. CÁC KHÁI NIỆM 11
1. Các từ ngữ 11
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt 12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 13
2. Cơ cấu tổ chức 15
3. Cơ cấu bộ máy quản lý 16
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; cơ cấu cổ đông tại thời điểm 21/01/2011 20
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 22
V. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 23
1. Hoạt động kinh doanh 23
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo 70
3. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết 72
4. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán 72
5. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 72
VI. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 74
1. Loại chứng khoán 74
2. Mệnh giá 74
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 74
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết 74
5. Phương pháp tính giá 75
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 77
7. Các loại thuế có liên quan 77
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 79

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty....15
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập theo sổ cổ đông ngày 21/01/2011....20
Bảng 3: Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 21/01/2011....21
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/01/2011....22
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần....28
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp....29
Bảng 7: Thị trường và kim ngạch xuất khẩu....30
Bảng 8: Danh sách nhà cung ứng bao bì....33
Bảng 9 : Cơ cấu chi phí....34
Bảng 10: Danh sách một số khách hàng hiện tại của IDI....42
Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của IDI....42
Bảng 12: Chính sách cổ tức....45
Bảng 13: Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên....45
Bảng 14: Các khoản phải nộp theo quy định....46
Bảng 15: Các khoản đã nộp nhà nước....46
Bảng 16: Số dư các quỹ....47
Bảng 17: Vay ngắn hạn....47
Bảng 18: Vay và nợ dài hạn....47
Bảng 19: Nợ phải thu....48
Bảng 20: Nợ phải trả....49
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu....49
Bảng 22: Giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2009....62
Bảng 23: Giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2010....62
Bảng 24: Quyền sử dụng đất của Công ty theo giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010....62
Bảng 25: Danh sách tài sản được định giá....63
Bảng 26: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010 và 2011....70
Bảng 27: Một số chỉ tiêu kế hoạch....70

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng GDP của Việt Nam qua các năm....7
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm....7
Biểu đồ 3: Doanh thu sản phẩm cung cấp....29
Biểu đồ 4: Lợi nhuận gộp của sản phẩm cung cấp....30
Biểu đồ 5: Cơ cấu thị trường và kim ngạch xuất khẩu của IDI....31
Biểu đồ 6: Thị trường và sản phẩm thủy sản xuất khẩu năm 2009....66

Biểu đồ 7: Xuất khẩu thủy sản năm 2007-2009.....66
Biểu đồ 8: Thương mại cá tra Việt Nam 67
Biểu đồ 9: Giá cá tra xuất khẩu trung bình.....68

Hình 1: Trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I 14
Hình 2: Hình ảnh thiết kế cụm công nghiệp Vàm Cống 23
Hình 3: Toàn cảnh Cụm công nghiệp Vàm Cống nhìn từ sông Hậu 24
Hình 4: Cổng chính vào Nhà máy thủy sản số 1 24
Hình 5: Nhà máy phụ phẩm Trisedco 25
Hình 6: Lễ khởi công xây dựng luồng tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu 27
Hình 7: Vị trí của dự án.....27
Hình 8: Vùng nuôi thủy sản.....32
Hình 9: Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản 32
Hình 10: Một trong những vùng đầu tư nguyên liệu thủy sản của IDI.....33
Hình 11: Dây chuyền sản xuất của Nhà máy thủy sản số 1 35
Hình 12: Hệ thống cấp đông hiện đại trong Nhà máy thủy sản số 1 36
Hình 13: Kho lạnh chứa hàng.....36
Hình 14: Trạm phát điện của Nhà máy thủy sản 36
Hình 15: Xe lạnh đang nhập hàng tại kho lạnh của Nhà máy thủy sản số 1 40
Hình 16: IDI tham gia Hội chợ triển lãm thủy sản Quốc tế 40
Hình 17: Công nhân sản đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của Nhà máy thủy sản.....64
Hình 18: Một buổi làm việc của cán bộ Phòng Kế toán.....65

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của IDI.....15
Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của IDI 16
Sơ đồ 3: Quy trình quản lý sản phẩm.....37
Sơ đồ 4: Quy trình hệ thống truy xuất.....37
Sơ đồ 5: Quy trình chế biến.....37

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ những sự thay đổi có thể diễn ra của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ đầu năm 2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung. Năm 2008 chứng kiến nền kinh tế toàn cầu bị suy thoái nặng nề, khiến cho nền kinh tế Việt Nam cũng phải chịu những ảnh hưởng đáng kể: tỷ lệ lạm phát tăng cao, thâm hụt thương mại ở mức cao, thất nghiệp gia tăng, thị trường chứng khoán suy giảm mạnh và thị trường bất động sản bị đóng băng. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chỉ đạt 6,23%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 đạt 5,23%, tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,23% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng như trên là một thành công lớn.

Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nền kinh tế tiếp tục có dấu hiệu phục hồi trong năm 2010. Tất cả các ngành, lĩnh vực đều có tốc độ tăng trưởng cao hơn cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng GDP của năm 2010 đạt 6,78% cao hơn mức 5,32% của năm 2009.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản nói riêng.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng GDP của Việt Nam qua các năm

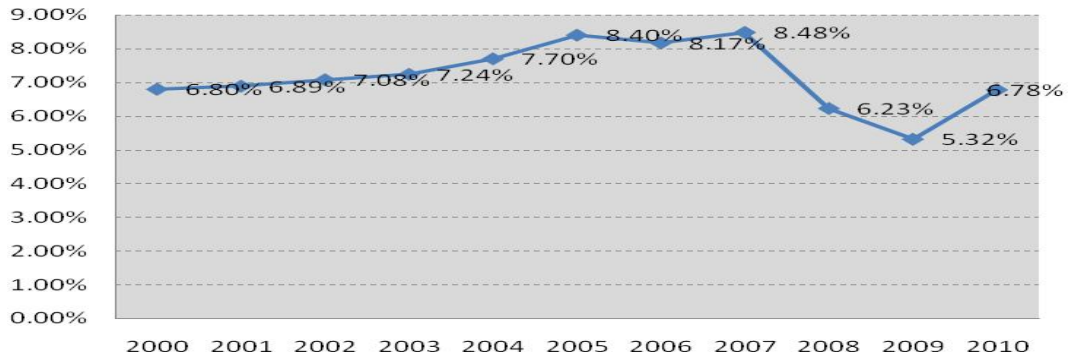

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát xảy ra do rất nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là từ việc điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước và nguyên nhân khách quan từ thị trường thế giới.

Lạm phát ở Việt Nam xảy ra thường xuyên và biến động với biên độ khá lớn qua các năm. Tuy nhiên, với chính sách đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào ổn định thông qua các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu), Công ty có thể giảm thiểu tối đa tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh của mình.

Theo số liệu đã được công bố cho biết, trong 11 năm từ 2000 đến 2010, lạm phát các năm thể hiện như sau:

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm

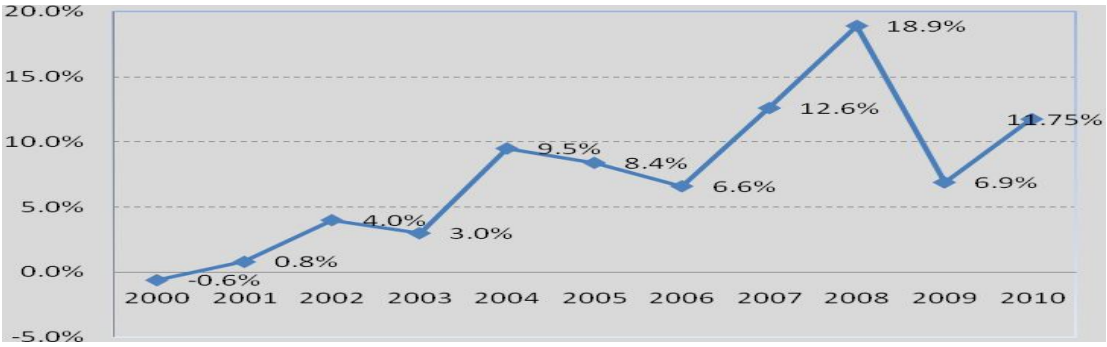

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lãi suất

Trong 2010, lãi suất cho vay bằng đồng USD vào khoảng 6 - 8%/năm, huy động bằng đồng USD vào khoảng 5 – 5,5%/năm. Lãi cho vay VND dao động trong khoảng 12 - 18%/năm đối với ngân hàng quốc doanh và khoảng 12- 19%/năm với các ngân hàng cổ phần.

Do đầu tư cơ bản trong giai đoạn đầu khá lớn nên tỷ lệ nợ hiện chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn của IDI. Cụ thể cuối năm 2009, nợ chiếm gần 70% tổng nguồn vốn, trong đó, nợ do

các tổ chức tín dụng tài trợ (gồm ngắn hạn và trung dài hạn) chiếm khoảng 41% tổng nguồn vốn. Trong năm 2010, tỷ trọng nợ trên tổng nguồn vốn được duy trì ở mức 61%, tỷ trọng vay và nợ các tổ chức tín dụng chiếm 40% tổng nguồn vốn. Khi lãi suất tăng, chi phí vay của IDI chắc chắn sẽ tăng, do đó làm giảm đáng kể lợi nhuận của Công ty.

Để giảm vốn vay ngắn hạn tại các ngân hàng, IDI đã tiến hành tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành riêng lẻ từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2010, nâng tổng số vốn điều lệ của IDI lên mức 380 tỷ đồng. Với số vốn điều lệ mới tăng thêm, IDI sẽ giảm được nợ vay ngắn hạn, do đó, chi phí vay của Công ty cũng giảm đi đáng kể.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng làm cho đồng nội tệ bị mất giá. Với những doanh nghiệp sử dụng nhiều ngoại tệ, khi tỷ giá hối đoái tăng, số lỗ về tỷ giá có thể làm giảm đáng kể, thậm chí là triệt tiêu toàn bộ lợi nhuận thu được trong kinh doanh. Đây là rủi ro khó tránh khỏi của các doanh nghiệp trong một nền kinh tế nhập siêu với tỷ lệ lớn.

Trong năm 2007, biên độ tỷ giá giữa đồng USD và VND khá nhỏ (mức 0,5% và cuối năm tăng lên mức 0,75%), chính vì vậy tỷ giá USD/VND không có nhiều biến động, dao động trong khoảng 15.975 VND/USD và 16.300 VND/USD. Tuy nhiên, tỷ giá hối đoái lại có biến động rất lớn trong năm 2008 khi biên độ tỷ giá từ 0,75% tăng lên 1% , tiếp đó là 3% vào ngày 25 tháng 12 năm 2008. Đầu năm 2008, tỷ giá USD/VND chỉ ở mức 16.015 VND/USD, trong năm 2008, có những thời điểm mức tỷ giá này đã tăng lên hơn 19.500 VND/USD. Sự biến động thất thường của tỷ giá khiến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu chịu rất nhiều khó khăn tại thời điểm đó. Ngày 24 tháng 3 năm 2009, biên độ tỷ giá tiếp tục lại được tăng lên mức 5% và kèm theo đó là sự tăng lên của tỷ giá.

Trong năm 2010, NHNN đã thực hiện nâng tỷ giá liên ngân hàng lên 3% từ 17.941 VND/USD lên mức 18.554 VND/USD. Quyết định này đã khiến tỷ giá tại trị trường tự do nhanh chóng tăng lên mức hơn 20.000 VND/USD nhưng sau đó lại giảm xuống dưới mức 19.000 VND/USD. Tỷ giá cũng khá ổn định trong nửa đầu của năm 2010 khi quyết định của NHNN có tác động khá tích cực.

Tuy nhiên, đầu năm 2011 , Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện tăng tỷ giá USD với mức 9,3% so với trước đó để hạn chế nhập siêu. Động thái này của Ngân hàng Nhà nước đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhập khẩu và phần nào ảnh hưởng tới thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, đứng trên góc độ dài hạn, quyết định này được cho là sẽ đem lại nhiều hiệu quả tích cực hơn.

Hoạt động chính của IDI là xuất khẩu thủy sản. Khi tỷ giá giữa Việt Nam đồng và đôla Mỹ tăng, doanh nghiệp sẽ được lợi. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, IDI có hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá hơn 2,86 tỷ đồng trong khi đó đến thời điểm 31/12/2010, tình hình hoàn toàn ngược lại so với khó khăn mà IDI đã trải qua trong năm 2009, IDI có hạch toán lãi chênh lệch tỷ giá hơn 3,1 tỷ đồng. Do dó, chênh lệch tỷ giá hối đoái là một yếu tố tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của IDI.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế giá trị gia tăng mà còn chịu sự điều chỉnh của Luật pháp của các nước mà IDI xuất khẩu sản phẩm sang. Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam còn đang trong giai đoạn hoàn thiện với mục tiêu tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ và thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, những thay

đổi trong hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, IDI cũng gặp nhiều khó khăn khi các nước mà IDI xuất khẩu sản phẩm sang áp dụng các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm…

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro nguồn nguyên liệu: Hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản nói chung phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu thủy sản trong nước. Nếu tự chủ được nguồn nguyên liệu, IDI có thể ổn định được sản xuất, đảm bảo được chất lượng sản phẩm và ổn định được giá nguyên liệu đầu vào. Từ đó, Công ty có thể chủ động xây dựng kế hoạch bán hàng cạnh tranh, ổn định chất lượng và giá thành sản phẩm. Hiện tại, vùng nguyên liệu tự chủ của IDI cung cấp khoảng 12% nhu cầu nguyên liệu, khoảng 76% nguyên liệu được cung cấp bởi các vùng nuôi do Công ty ký hợp đồng liên kết, số nguyên liệu còn lại được cung cấp trực tiếp bởi các hộ nuôi, điều này vừa là một hạn chế vừa là một thuận lợi của IDI trong quá trình chủ động nguyên liệu và giảm thiệt hại khi giá cá nguyên liệu trên thị trường biến động. Trên thực tế, do nằm ở vị trí trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long, thuận lợi về giao thông đường thủy và đường bộ, vì vậy việc thu mua cá nguyên liệu của IDI diễn ra thuận lợi trong giai đoạn vừa qua. Mặc khác, để ổn định sản xuất, IDI cũng đang xây dựng và hình thành vùng nguyên liệu tự chủ diện tích 50 ha tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Qua đó cho thấy, nếu không có những biến động bất thường lớn thì rủi ro bị ảnh hưởng vì thiếu tự chủ nguồn nguyên liệu của IDI không cao.

Rủi ro về công suất sản xuất: Đối với IDI, ngay từ đầu Ban lãnh đạo đã định hướng phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp xuất khẩu cá tra fillet hàng đầu Việt Nam nên đã đầu tư nhà máy thủy sản theo công nghệ tiên tiến, công suất thiết kế đạt 600 tấn nguyên liệu/ngày, cơ sở hạ tầng cũng được Công ty quy hoạch theo tiêu chuẩn của một nhà máy sản xuất hiện đại, do vậy việc mở rộng sản xuất của IDI trong tương lai là khá thuận lợi. Hiện nay, nhà máy thủy sản số 1 đã hoàn thành giai với công suất thiết kế tương đương 600 tấn nguyên liệu/ngày. Với thời gian hoạt động thực tế là 12 giờ, công suất hiện tại của IDI đạt 300 tấn nguyên liệu/ngày. Với công suất sau khi được lắp đặt hoàn chỉnh, IDI được đánh giá là một trong những doanh nghiệp có năng lực sản xuất cá tra fillet khá lớn (300 tấn nguyên liệu/một ngày hoạt động thực tế), vì vậy có thể đáp ứng được hầu hết các đơn đặt hàng lớn của khách hàng. Có thể nói là rủi ro thiếu năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu khách hàng đối với IDI không đáng kể.

Rủi ro thị trường tiêu thụ: IDI là một doanh nghiệp trẻ vừa gia nhập lĩnh vực xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tháng 04 năm 2008, khi nhà máy thủy sản của IDI chính thức vận hành thì nền kinh tế thế giới bắt đầu bước vào giai đoạn khó khăn, nhu cầu tiêu thụ giảm vì vậy việc phát triển thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực, cuối năm 2008, IDI đã đứng trong top 33 trong hơn 100 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu hơn 11,4 triệu USD. Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, năm 2009, IDI có tên trong top 12 về xuất khẩu cá tra, sản phẩm của Công ty được cung cấp cho khoảng 60 khách hàng tại 5 khu vực lãnh thổ, đạt kim ngạch xuất khẩu gần 32,5 triệu USD. Cho đến thời điểm hiện tại, IDI đã đứng ở vị trí thứ 11 trong số các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra ở Việt Nam. Sản phẩm của Công ty đã được thị trường của nhiều nước trên thế giới chấp nhận, vì vậy rủi ro thị trường tiêu thụ của IDI đến nay đã giảm đáng kể so với thời điểm đầu hoạt động.

4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, hoạt động của IDI có thể bị ảnh hưởng bởi động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... Các rủi ro này tuy ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra hậu quả thường rất nặng nề, có thể làm chậm tiến độ giao hàng hoặc gây thiệt hại về tài sản và con người.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

- Ông **Lê Thanh Thuấn**	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông **Nguyễn Văn San**	Tổng Giám đốc
- Ông **Đinh Hoài Ân**	Giám đốc tài chính
- Ông **Lê Xuân Định**	Kế toán trưởng
- Bà **Lê Thị Phượng**	Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật**:**	Ông **Lê Đình Ngọc**
Chức vụ:	Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ và các nhóm từ viết tắt dưới đây có ý nghĩa diễn giải như sau:

1. Các từ ngữ

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

Công ty kiểm toán: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCs) là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.

Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.

Người có liên quan: Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ và công ty con (nếu có).
- Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty.
- Công ty và những người quản lý công ty.
- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
- Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật doanh nghiệp 2005, Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 của Quốc hội số 70/2006/QH11, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

BKS	Ban kiểm soát
BCTC	Báo cáo tài chính
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Công ty/IDI	Tên viết tắt của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
CP	Cổ phần
CMND	Chứng minh nhân dân
DTT	Doanh thu thuần
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EU	Liên minh Châu Âu
HĐQT	Hội đồng quản trị
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh
HĐ	Hợp đồng
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NY	Niêm yết
NN	Nhà nước
QSDĐ	Quyền sử dụng đất
Sao Mai An Giang	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMCP	Thương mại cổ phần
Tp.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TSCĐ	Tài sản cố định
TRISEDCO	Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch và Phát triển thủy sản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Uỷ ban nhân dân
VASEP	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1.Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được thành lập năm 2003, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/07/2003 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 8 số 0303141296 ngày 18/12/2009. Công ty đã trải qua các giai đoạn phát triển qua nhiều thời kỳ, cụ thể như sau:

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được thành lập với tổng số vốn ban đầu là 29 tỷ VND. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban lãnh đạo và điều hành của IDI là những cán bộ chủ chốt của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm công nghiệp Vàm Cống qui mô gần 23 ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Đến năm 2006, Công ty bắt đầu chi trả đền bù cho khu tái định cư và Cụm công nghiệp Vàm Cống giai đoạn 1. Đồng thời, Công ty cũng khởi công xây dựng hạ tầng khu tái định cư và Cụm công nghiệp giai đoạn 1.
- Năm 2007, IDI chính thức khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 1 và các hạng mục phụ trợ. Đây cũng là nhà máy đầu tiên trong cụm công nghiệp Vàm Cống được xây dựng. Bên cạnh đó, IDI tiếp tục chi trả đền bù cho phần còn lại của cụm công nghiệp Vàm Cống và khởi động dự án vùng nuôi cá nguyên liệu của Công ty.
- Sang năm 2008, Công ty hoàn thành xây dựng, lắp đặt thiết bị, đưa giai đoạn 1 của nhà máy chế biến thủy sản số 1 có công suất thiết kế giai đoạn 1 là 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh sức chứa 4.600 tấn đi vào hoạt động. Chính thức ghi tên IDI vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, Công ty cũng hỗ trợ Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch và Phát triển thủy sản (Trisedco) khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm cá tra giai đoạn 1.
- Năm 2009, IDI tiếp tục đầu tư hoàn thành nhà máy chế biến thủy sản số 1 với tổng công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hỗ trợ Trisedco hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm. Hiện nay nhà máy thủy sản số 1 đã hoàn thành giai đoạn 3 và đi vào hoạt động với công suất thiết kế đạt 600 tấn nguyên liệu/ngày.
- Đến thời điểm hiện tại, IDI đã có tên trong top 11 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra fillet hàng đầu của Việt Nam.

1.2.Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Tên Tiếng Anh: International Development & Investment Corporation
- Tên viết tắt: Công ty Cổ phần Đa Quốc Gia I.D.I
- Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

- Điện thoại: 067.3680383-3680434
- Fax: 067.3680382
- Website: www.idiseafood.com
- Logo:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0303141296 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09 tháng 11 năm 2010.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
  - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.
  - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
  - Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
  - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản).
  - Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.
  - Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động vật.
  - Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát sỏi, đất sét.
  - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.
- Vốn điều lệ hiện tại: 380.000.000.000 VND (Ba trăm tám mươi tỷ VND)

Hình 1: Trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

1.3.Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	Phương thức	Số vốn điều lệ tăng thêm (1.000 VND)	Vốn điều lệ (1.000 VND)
Khi thành lập			29.000.000
Lần 1: Tháng 2/2007	Kết nạp thêm cổ đông mới là Công ty CP đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang và chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông sáng lập trong công ty	18.940.000	47.940.000
Lần 2: Tháng 8/2007	Chào bán riêng lẻ cho 46 nhà đầu tư: - 08 cổ đông sáng lập góp thêm 14.274.000.000 VND -Thêm 38 cổ đông mới với số vốn góp là 29.260.000.000 VND	43.534.000	91.474.000
Lần 3: Tháng 2/2008 đến tháng 6/2008	Chào bán ra công chúng cho 461 nhà đầu tư	136.633.040	228.107.040
Lần 4:Tháng 7-8/2010	Chào bán riêng lẻ: - Các cổ đông sáng lập góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh: 12 cổ đông - Chào bán cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang	151.892.960	380.000.000

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

2. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của IDI

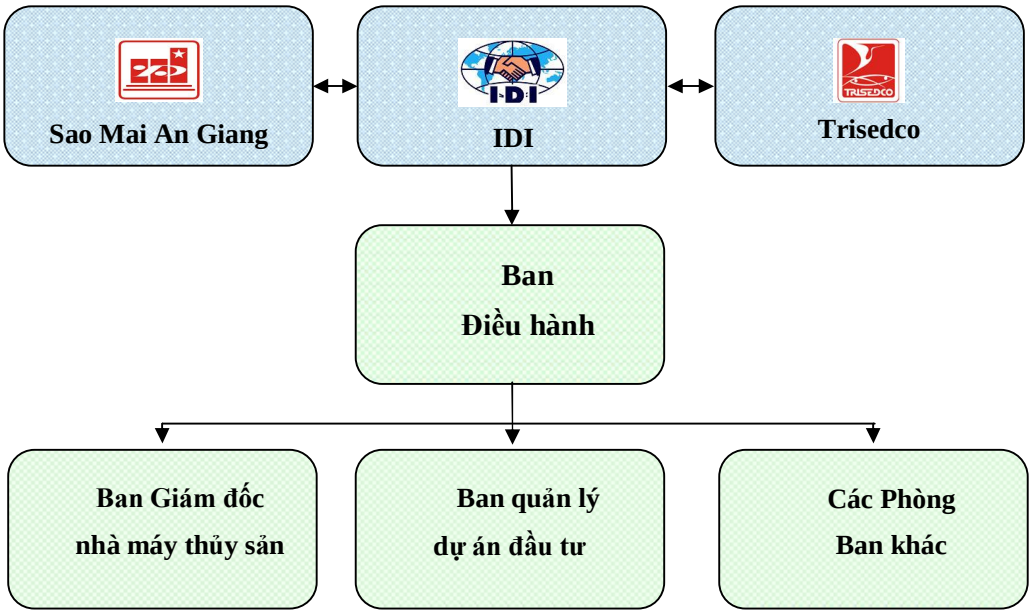

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xuất khẩu thủy sản, được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang cùng

một số cổ đông khác góp vốn thành lập vào năm 2003. Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang nắm giữ 22,54 % vốn điều lệ của IDI.

- Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản – Trisedco là doanh nghiệp do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang cùng các cổ đông khác góp vốn thành lập vào năm 2008. Chức năng của đơn vị này là thu mua toàn bộ phụ phẩm từ khâu sản xuất cá tra fillet xuất khẩu của IDI để chế biến thành các sản phẩm có giá trị như bao tử cá, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu ăn. Hiện tại, IDI nắm giữ 40% vốn của Trisedco.

- Toàn bộ hoạt động của IDI do Ban Điều hành trực tiếp điều hành. Dưới Ban Điều hành là Ban Giám đốc nhà máy thủy sản, Ban quản lý dự án đầu tư và các Phòng Ban khác trong Công ty.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của IDI

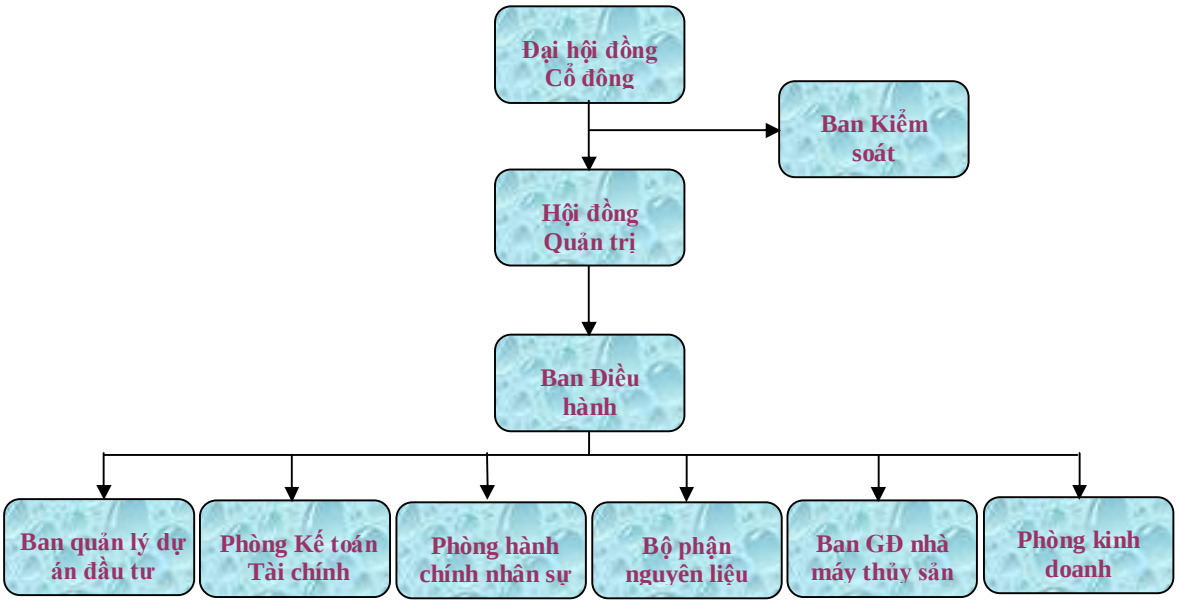

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

3.1.Đại hội đồng cổ đông

- ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của IDI. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

  - Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  - Báo cáo của BKS;
  - Báo cáo của HĐQT;
  - Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

- ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
  - Số lượng thành viên của HĐQT;
  - Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành;
  - Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
  - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - Kiểm tra, xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;
  - Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty.

3.2.Hội đồng quản trị Công ty

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Điều hành.
- HĐQT của IDI hiện nay gồm:

- Ông Lê Thanh Thuấn Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Hung Phó chủ tịch
- Ông Lê Văn Chung Thành viên
- Ông Lê Xuân Quế Thành viên
- Ông Trương Vĩnh Thành Thành viên
- Ông Nguyễn Văn San Thành viên
- Ông Quách Mạnh Hào Thành viên

3.3.Ban Kiểm soát

- Là cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 02 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.
- BKS của Công ty hiện nay gồm:
  - Bà Lê Thị Phượng Trưởng ban
  - Bà Lê Thị Ngọc An Ủy viên
  - Bà Nguyễn Thị Hương Ủy viên

3.4.Ban Điều hành

- Ban Điều hành của IDI có 06 thành viên gồm 1 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc và 1 Giám đốc phụ trách tài chính do HĐQT bổ nhiệm. Là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng Giám đốc Công ty sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban Điều hành thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.
- Ban Điều hành của IDI hiện nay gồm có:
  - Ông Nguyễn Văn San Tổng Giám đốc
  - Ông Lê Văn Chung Phó Tổng Giám đốc
  - Ông Nguyễn Minh Dũng Phó Tổng Giám đốc
  - Ông Lê Văn Cảnh Phó Tổng Giám đốc
  - Ông Đinh Hoài Ân Giám đốc tài chính
  - Ông Lê Xuân Định Kế toán trưởng

3.5.Ban quản lý dự án đầu tư

- Trực tiếp theo dõi đôn đốc quản lý chất lượng đầu tư dự án.
- Trực tiếp khai thác dự án sau đầu tư.
- Ban quản lý dự án đầu tư hiện có 10 cán bộ nhân viên.

3.6.Phòng Kế toán Tài chính

- Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư của IDI.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế, tính toán nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế.
- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách của IDI theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thi công của Công ty với khách hàng.
- Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư. Phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.
- Phòng kế toán tài chính hiện có 17 cán bộ nhân viên.

3.7.Phòng hành chính nhân sự

- Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của IDI;
- Quản lý và lưu hồ sơ Công ty.
- Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.
- Phòng hành chính nhân sự hiện có 14 cán bộ nhân viên.

3.8.Bộ phận nguyên liệu

- Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất.
- Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch.
- Bộ phận nguyên liệu hiện có 11 cán bộ nhân viên.

3.9.Ban Giám đốc nhà máy thủy sản

Quản lý điều hành toàn bộ hoạt động nhà máy thủy sản. Ban Giám đốc nhà máy thủy sản hiện có 4 cán bộ nhân viên.

3.10. Phòng kinh doanh

- Phụ trách quản lý, triển khai, phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, phối hợp với các phòng ban khác nhằm triển khai các phương án mở rộng thị trường;
- Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu.
- Phòng kinh doanh hiện có 20 cán bộ nhân viên.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; cơ cấu cổ đông tại thời điểm 21/01/2011

4.1.Danh sách cổ đông sáng lập(*)

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập theo sổ cổ đông ngày 21/01/2011

TT	Tên tổ chức	ĐKKD/ CMTND	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang	1600169024	Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.	8.566.479	22,54
2	Lê Thanh Thuấn	350006170	Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.	4.927.117	12,97
3	Nguyễn Văn Hung	351139667	Số 49/30 Khúc Thừa Dụ, Long Xuyên, An Giang.	483.480	1,27
4	Lê Văn Chung	351393479	Số 72 Trần Nhật Duật, Long Xuyên, An Giang.	442.174	1,16
5	Lê Xuân Quế	351259440	Số 647B/33 Tôn Thất Thuyết, Long Xuyên, An Giang.	376.760	0,99
6	Trần Văn Cừ	351700797	Số 84E1, Khu dân cư Bình Khánh 3, Long Xuyên, An Giang.	43.000	0,11
7	Lê Văn Cảnh	171857326	46 G1- Đường Lê Hoàn- TP Long Xuyên- An Giang	6.400	0,02
8	Phạm Đình Nam	351333247	19/04 Trần Hưng Đạo- P. Mỹ Quý TP Long Xuyên- An Giang	143.500	0,38
9	Trương Vĩnh Thành	352244166	Phường Bình Khánh 3, Long Xuyên, An Giang.	14.700	0,04
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.	51.720	0,14
11	Phan Văn Đạt	350038725	Số 544B Hà Hoàng Hổ, Long Xuyên, An Giang.	49.280	0,13
12	Lê Văn Thông	172321457	Số 01 Trương Định, Long Xuyên, An Giang.	18.200	0,05
13	Lê Văn Thành	351400599	Số 706 Hà Hoàng Hổ, Long Xuyên, An Giang.	178.185	0,47
14	Lê Văn Thủy	351627326	Số 645/33 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang.	84.375	0,22
15	Lê Khắc Tám	350791747	Số 219 Nguyễn Trường Tộ, Long Xuyên, An Giang.	266.740	0,70
Tổng cộng				**15.652.110**	**41,19**

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

(*) Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: "Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận ĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ". Đến thời điểm hiện nay, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của IDI.

4.2.Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 21/01/2011

Bảng 3: Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 21/01/2011

TT	Tên cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần (CP)	Địa chỉ
1	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang	22,54	1600169024	8.566.479	Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
2	Lê Thanh Thuấn	12,97	350006170	4.927.117	Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
3	Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long	5,26	98/UBCK-GPĐCCTCK	2.000.000	273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
4	Nguyễn Băng Thương	6,36	013256480	2.416.200	BT 102 Mỹ Đình, Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
	Tổng cộng	**47,13**		**17.909.796**	

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia

- **Một số thông tin chính về Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang**

  Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang

  Địa chỉ: Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

  Điện thoại: 076.3840138

  Fax: 076.3840139

  Giấy chứng nhận ĐKKD: 1600169024

- **Một số thông tin chính về Công ty CP chứng khoán Thăng Long**

  Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long

  Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

  Điện thoại: 04.37262600

  Fax: 04.37262601

  Giấy phép hoạt động: 98/UBCK-GPĐCCTCK

- **Một số thông tin chính về ông Lê Thanh Thuấn**

  Địa chỉ: Số 18 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

  Điện thoại: 0939009036

Số CMND: 350006170

Chức vụ:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang

- **Một số thông tin chính về bà Nguyễn Băng Thương**

Địa chỉ: BT 102 Mỹ Đình, Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại:

Số CMND: 013256480

4.3.Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/01/2011

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/01/2011

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cp)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**397**	**37.990.000**	**379.900.000.000**	**99,97**
1	Cổ đông tổ chức	6	11.888.479	118.884.790.000	31,29
2	Cổ đông cá nhân	391	26.101.521	261.015.210.000	68,68
II	**Cổ đông nước ngoài**	**1**	**10.000**	**100.000.000**	**0,03**
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0,00
2	Cổ đông cá nhân	1	10.000	100.000.000	0,03
	TỔNG CỘNG	**398**	**38.000.000**	**380.000.000.000**	**100,00**

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

V. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hoạt động kinh doanh

1.1.Mô tả hoạt động kinh doanh

❖ *Sản phẩm, dịch vụ chính*

✓ Cá tra xuất khẩu:

- Cá tra fillet là sản phẩm truyền thống mà IDI đã tập trung đầu tư trong những năm qua. Hiện tại, sản phẩm cá tra của IDI đã có mặt tại 05 khu vực (Châu Phi, Đông Nam Á, Châu Âu, Trung Đông, Nam Mỹ) với hơn 60 khách hàng. Các sản phẩm của IDI gồm có cá tra fillet, cá tra cắt khoanh, cá tra cắt miếng.

- Với định hướng từ khi thành lập là phát triển IDI trở thành doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu Việt Nam, Ban lãnh đạo IDI đã đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Vàm Cống phù hợp để xây dựng nhà máy thủy sản hiện đại.

✓ Đầu tư cụm công nghiệp Vàm Cống:

Hình 2: Hình ảnh thiết kế cụm công nghiệp Vàm Cống

Ghi chú: Trong năm 2008, hạ tầng Cụm công nghiệp đã hoàn thành san lấp mặt bằng đạt cao trình +3,2m^2 và chống sạt lở cho phần đất tiếp giáp bờ sông Hậu bằng tường cọc ván bê tông dự ứng lực với tổng chiều dài gần 500 m. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật còn lại của cụm công nghiệp như đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải được xây dựng theo tiến độ xây dựng các nhà máy trong cụm công nghiệp.

Hình 3: Toàn cảnh Cụm công nghiệp Vàm Cống nhìn từ sông Hậu

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 khu đất có tổng diện tích183.398,5 m^2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 88 tờ bản đồ số 49 xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 136 tờ bản đồ số 49 xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). IDI đã và đang đầu tư các hạng mục sau:

- Nhà máy thủy sản số 1: Nhà máy thủy sản số 1 được xây dựng trên diện tích hơn 4 ha trong cụm công nghiệp Vàm Cống, nhà xưởng chính có diện tích 12.270 m^2, với bề ngang 80 m, chiều dài 159 m, kho lạnh diện tích 3.200 m2. Nhà xưởng chính chia làm 2 khu vực sản xuất và được ngăn cách bằng tường và vách kính ở chính giữa nhà xưởng.

Hình 4: Cổng chính vào Nhà máy thủy sản số 1

Nhà máy thủy sản số 1 có công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày trong 03 giai đoạn. Máy móc thiết bị và dây chuyền chế biến được đầu tư làm 03 giai đoạn: Giai đoạn 1 và 2 nằm trọn trong ½ nhà xưởng chính và đã hoàn thành trong năm 2009. Công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/24 giờ, thực tế sản xuất 150 tấn nguyên liệu/12 giờ. Giai đoạn 3 nằm trọn trong ½ nhà xưởng còn lại: Công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày, thực tế sản xuất 150 tấn nguyên liệu/12 giờ. Giai đoạn 3 đã hoàn thành, 01/09/2010 đã đưa vào vận hành thử và 01/10/2010 chính thức đi vào hoạt động. Hiện tại, IDI đang vận hành nhà máy thủy sản số 1, mang lại doanh thu cho Công ty hơn 11,4 triệu USD trong năm 2008 và hơn 32,4 triệu USD trong năm 2009.

- Cho Công ty Cổ phần đầu tư du lịch và phát triển thủy sản (Trisedco) thuê 31.770 m2 để Trisedco xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm cá tra. IDI hiện chiếm 40% vốn góp tại Trisedco. Hiện tại, IDI đang làm chủ đầu tư dự án, khi nhà máy xây dựng hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, IDI sẽ chuyển giao toàn bộ dự án cho Trisedco.

  Tiến độ xây dựng nhà máy:

  - Công việc đã hoàn thành gồm: nhà xưởng chính diện tích: 5.760 m^2 và 02 lò hơi 8.000 kg, 01 dây chuyền chế biến phụ phẩm. Ngoài ra, Công ty đang hoàn thiện dây chuyền chế biến phụ phẩm thứ 2 và đang xúc tiến để nhập thêm 01 dây chuyền chế biến phụ phẩm từ Thái Lan. Hiện tại nhà máy đang vận hành thử 01 dây chuyền chế biến bột cá công suất thiết kế 150 tấn nguyên liệu phụ phẩm/24 giờ. Dự kiến 01 tháng 10 năm 2010 sẽ chính thức đưa vào hoạt động.

  - Công việc dự kiến: Dự kiến lắp đặt 06 dây chuyền chế biến bột cá từ phụ phẩm cá tra chế biến đông lạnh xuất khẩu.

  - Dự kiến quí IV năm 2010 hoặc quí I năm 2011 Công ty IDI sẽ chuyển giao dự án dạng BT (hợp đồng xây dựng chuyển giao) cho Công ty Trisedco.

Hình 5: Nhà máy phụ phẩm Trisedco

✓ Khu đất 38.689 m2 gồm 02 lô tại xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp:

01 lô diện tích: 31.631 m^2 , 01 lô diện tích 7.058 m^2. Hiện tại Công ty đang chuẩn bị san lấp mặt bằng 38.689 m^2 và sẽ tìm đối tác để bán hoặc cho thuê, đối tượng là các doanh nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu hoặc đóng tàu, sàlan.

✓ Các dự án bất động sản khác:

Bên cạnh hoạt động xuất khẩu thủy sản đang dần đi vào ổn định, ngoài dự án đầu tư Cụm công nghiệp Vàm Cống, Ban lãnh đạo IDI đang đầu tư các dự án như:

- Dự án khu đô thị phía Nam thị trấn Lấp Vò:

  - Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

  - Tổng mức đầu tư của dự án này là 147,38 tỷ VND với hình thức đầu tư là xây dựng mới cơ sở hạ tầng và thực hiện phân lô bán nền. Diện tích của dự án này là hơn 28ha.

- Dự kiến dự án này sẽ được thực hiện trong năm 2011 và hoàn thành vào năm 2014.

- Để đáp ứng tốc độ đô thị hóa nhanh tại Đồng Tháp, việc xây dựng khu đô thị phía Nam thị trấn Lấp Vò và một số trục đường giao thông như quốc lộ 80, 54, sẽ tạo điều kiện phát triển kinh tế, thúc đẩy sự phát triển của văn hóa xã hội tại đồng bằng sông Cửu Long.

- Cơ sở pháp lý của dự án:

  Ngày 22/12/2008, UBND huyện Lấp Vò có Quyết định số 2446/QĐ-UBND.HC về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị phía Nam thị trấn Lấp Vò – huyện Lấp Vò – tỉnh Đồng Tháp với diện tích được điều chỉnh là 286.049m2.

  Ngày 04/05/2009, UBND tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 487/QĐ-UBND.HC về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình chỉnh trang đô thị thị trấn Lấp Vò – huyện Lấp Vò – Đồng Tháp

- Kế hoạch thực hiện dự án:

  Năm 2011: thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất và thi công san lấp nền một phần của dự án (50% khối lượng).

  Năm 2012: thi công san lấp nền phần còn lại, thi công cầu Rạch Cái Dâu, cống Ba Xuyên và cống Kinh Thủ Hậu, thi công hệ thống cống thoát nước (50% khối lượng).

  Năm 2013: thi công các hạng mục còn lại và hoàn thiện công trình.

  Năm 2014: đưa công trình vào sử dụng và bắt đầu kinh doanh khai thác.

- Dự án Khu công nghiệp liên hợp cảng nước sâu Vàm Cống:

  - Dự án này nằm cạnh Cụm công nghiệp Vàm Cống với nhiều nhà máy chế biến thủy sản, bột cá, tinh luyện dầu... Vì vậy việc thực hiện đầu tư dự án cảng nước sâu Vàm Cống để phục vụ cho các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa cho Cụm công nghiệp và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

  - Ngoài ra việc phát triển cảng nước sâu Vàm Cồng cũng góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và xã hội vùng ĐBSCL, tạo ra đầu mối giao lưu, thông thương và buôn bán với các vùng miền khác trong cả nước cũng như quốc tế bằng đường biển. Dự án này cũng hoàn thiện hệ thống giao thông vận tải tại ĐBSCL, góp phần làm giảm chi phí vận tải đối với các loại hàng hóa trong khu vực, nâng cao khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm địa phương và giảm áp lực trên các trục giao thông và cơ sở hạ tầng hiện tại.

  - Tổng vốn đầu tư: 1.500 tỷ VND

  - Diện tích 157,3 ha.

Hình 6: Lễ khởi công xây dựng luồng tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu

- Vị trí đầu tư : Ranh giới lập dự án được giới hạn bởi:

  Phía Tây Bắc : Giáp Cụm công nghiệp Vàm Cống và Khu dân cư hiện hữu.

  Phía Đông : Giáp khu dân cư và rạch Cái Dầu.

  Phía Nam : Giáp khu dân cư và Cầu Vàm Cống.

  Phía Tây: Giáp sông Hậu.

Hình 7: Vị trí của dự án

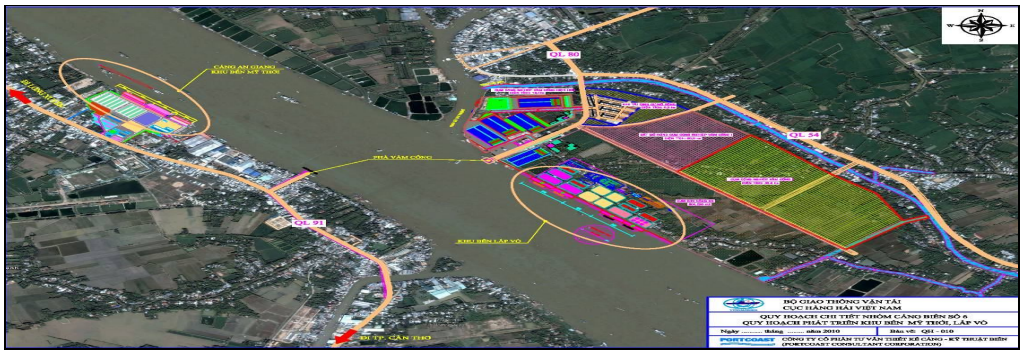

– Quy mô phát triển: Dự kiến đến 2020: Diện tích khu đất của cảng khoảng 80,4 ha bao gồm kho bãi tồn trữ, phân phối hàng; 2 khu bến cho tàu 5.000 ÷ 10.000 DWT tổng chiều dài 640 m cho hàng tổng hợp, container xuất nhập khẩu. Xen giữa các khu bến chính là các bến cho phương tiện thủy nội địa. Tổng chiều dài tuyến đường bờ để xây dựng bến là 1000m.

– Cơ sở pháp lý và tiến độ thực hiện dự án:

  Dự án này được UBND tỉnh Đồng Tháp chấp thuận chủ trương tại Công văn số 38/UBND-XDCB ngày 20/01/2009.

  Ngày 05/08/2009, UBND tỉnh Đồng Tháp đã có Văn bản số 405/UBND-XDCB trình Bộ Giao Thông Vận Tải đề nghị bổ sung Cảng tổng hợp Quốc tế IDI vào quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển số 6.

Ngày 01/12/2009, Bộ Giao thông Vận tải có Công văn số 8496/BGTVT-KCHT gửi UBND tỉnh Đồng Tháp về việc chấp thuận đấu nối từ đường nội bộ cảng IDI Vàm Cống với đường xuống phà Vàm Cống và QL 54.

Ngày 29/01/2010, Cục Đường bộ Việt Nam có Công văn số 395/CĐBVN-GT về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật đấu nối đường nội bộ Cảng IDI Vàm Cống với đường xuống phà Vàm Cống và QL 54 địa phận tỉnh Đồng Tháp.

Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó có Cảng biển IDI.

Công ty IDI đang phối hợp cùng Sao Mai An Giang để hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiến hành đầu tư xây dựng.

❖ *Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm*

✓ Doanh thu của IDI qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần

TT	Khoản mục	Năm 2009 (VND)	Tỷ trọng /DTT(%)	Năm 2010 (VND)	Tỷ trọng/ DTT(%)
1	Doanh thu thuần sản phẩm và hàng hóa	634.707.390.952	90,16	810.964.068.418	85,66
2	Doanh thu thuần dịch vụ	16.998.327.348	2,41	14.568.146.717	1,54
3	Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	52.261.352.273	7,42	50.745.985.789	5,36
4	Doanh thu thuần đầu tư xây dựng hạ tầng	0	0	70.413.318.182	7,44
	Tổng doanh thu thuần	**703.967.070.573**	**100,00**	**946.691.519.106**	**100,00**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Trong cơ cấu doanh thu 02 năm qua, lĩnh vực xuất khẩu thủy sản giữ vị trí chủ đạo, lần lượt chiếm 90,1% trong tổng doanh thu thuần của IDI trong năm 2009 và 85,66% trong năm 2010.

- Về tốc độ tăng trưởng: doanh thu trong lĩnh vực thủy sản của IDI năm 2009 đã tăng hơn 411 tỷ VND, tương đương tăng 184% so với năm 2008. Cho thấy thị trường xuất khẩu của Công ty đã có sự phát triển mạnh mẽ, thể hiện tiềm năng phát triển của một doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trẻ của Việt Nam. Trong năm 2009 và năm 2010, doanh thu thuần của IDI tăng mạnh so với năm 2008 là do đến tháng 4 năm 2008 nhà máy chế biến thủy sản số 1 mới đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, trong năm 2009 và năm 2010, Công ty cũng ký kết được nhiều hợp đồng hơn trong việc xuất khẩu các sản phẩm thủy sản. Ngày 1 tháng 10 năm 2010, nhà máy chế biến thủy sản số 1 hoàn thiện và đi vào hoạt động với công suất 600.000 tấn nguyên liệu/ngày. Chính vì vậy, doanh thu năm 2010 tiếp tục tăng cao hơn so với năm 2009.

- Trong năm 2010, IDI cũng có một khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng đạt hơn 70 tỷ VND. Đây là khoản doanh thu phát sinh khi IDI thực hiện đầu tư xây dựng và chuyển giao nhà máy xử lý phụ phẩm cho Trisedco. Đây cũng là một nguyên nhân

khiến cho doanh thu thuần của IDI tăng mạnh.

Biểu đồ 3: Doanh thu sản phẩm cung cấp

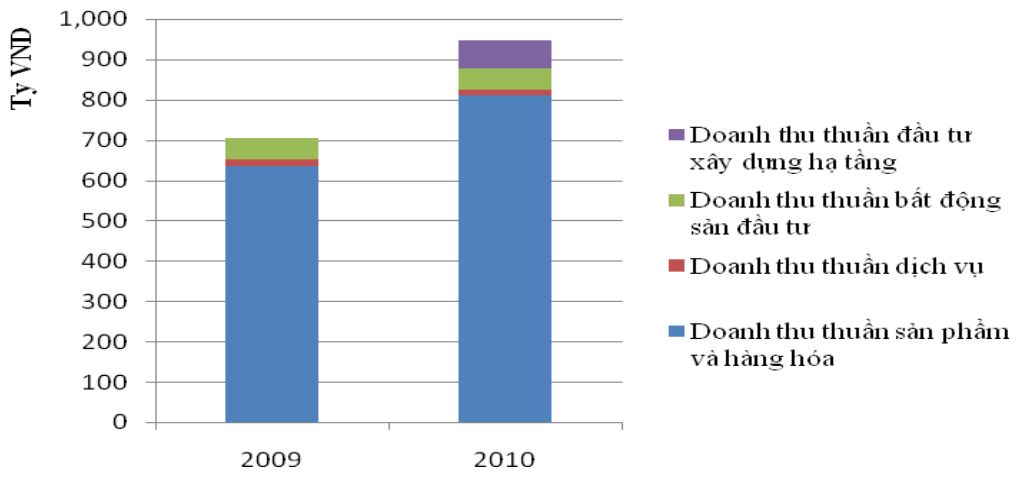

✓ Lợi nhuận gộp của sản phẩm cung cấp

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp

TT	Khoản mục	Năm 2009 (VND)	Tỷ trọng (%)	Năm 2010 (VND)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp hàng hóa, thành phẩm đã bán	54.293.985.334	52,98	138.041.050.293	68,25
2	Lợi nhuận gộp dịch vụ đã cung cấp	16.998.327.348	16,59	14.568.146.717	7,20
3	Lợi nhuận gộp kinh doanh BĐS đầu tư	31.185.149.128	30,43	20.083.648.889	9,93
4	Lợi nhuận gộp đầu tư xây dựng hạ tầng	0	0	29.575.195.432	14,62
	Tổng	**102.477.461.810**	**100,00**	**202.268.041.331**	**100,00**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Cơ cấu lợi nhuận gộp của IDI đã có sự thay đổi đáng kể trong những năm qua:

- Năm 2009, trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty, lĩnh vực thủy sản chiếm vị trí số 1 trong tổng cơ cấu lợi nhuận gộp (52,98%), lĩnh vực bất động sản chiếm 30,43%.

- Tính đến hết năm 2010, lợi nhuận gộp của IDI đã vượt cả năm 2009 gần 37 tỷ VND trong đó đóng góp nhiều nhất cho sự tăng trưởng này là hoạt động xuất khẩu thủy sản và hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng. Hai hoạt động này đã đóng góp hơn 82% trong cơ cấu lợi nhuận gộp chung của cả Công ty tương ứng với hơn 167 tỷ VND. Trái ngược với các hoạt động này là hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động cung cấp dịch vụ. Hết năm 2010 lợi nhuận gộp của hai hoạt động này chỉ bằng hơn 70% so với năm 2009, cụ thể lợi nhuận gộp của hoạt động cung cấp dịch vụ và hoạt động kinh doanh bất động sản đạt tương ứng là hơn 14,5 tỷ VND và hơn 20 tỷ VND.

Biểu đồ 4: Lợi nhuận gộp của sản phẩm cung cấp

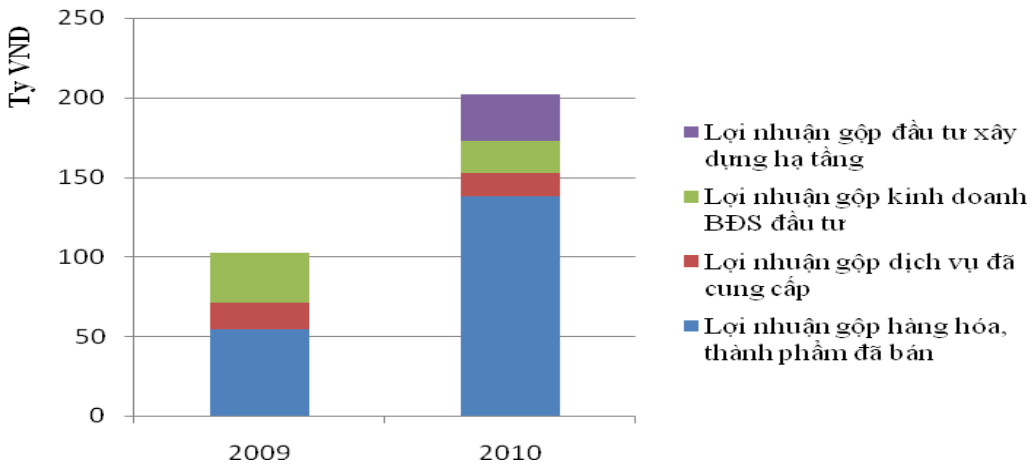

✓ Thị trường và kim ngạch xuất khẩu

- Thị trường xuất khẩu của IDI gồm 5 khu vực chính: Châu Phi, Đông Nam Á, Châu Âu, Trung Đông và Nam Mỹ, trong đó xuất khẩu sang Châu Âu chiếm tỷ trọng lớn nhất. So với năm 2008, năm 2009, kim ngạch xuất khẩu cá tra của Công ty có sự tăng lên đáng kể, tăng 183,77% so với năm 2008.

- Trong năm 2009, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Đông tăng mạnh nhất (349,35%), tiếp đến là thị trường Đông Nam Á (316,04%). Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Châu Âu tuy không tăng trưởng mạnh như các thị trường khác nhưng vẫn giữ được tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2009. Châu Âu vẫn là một trong những thị trường truyền thống mà Công ty định hướng duy trì và phát triển.

Bảng 7: Thị trường và kim ngạch xuất khẩu

TT	Thị trường	Năm 2008		Năm 2009		Thay đổi	
		Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (USD)	% thay đổi (%)
1	Châu Phi	381.430	3,33	1.483.300	4,56	1.101.870	288,88
2	Đông Nam Á	1.240.527	10,83	5.161.126	15,88	3.920.599	316,04
3	Châu Âu (EU)	7.161.780	62,53	17.225.736	53,00	10.063.956	140,52
4	Trung Đông	1.590.325	13,89	7.146.077	21,99	5.555.752	349,35
5	Nam Mỹ	1.078.697	9,42	1.483.398	4,56	404.701	37,52
	Tổng cộng	**11.452.759**	**100,00**	**32.499.637**	**100,00**	**21.046.878**	**183,77**

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Biểu đồ 5: Cơ cấu thị trường và kim ngạch xuất khẩu của IDI

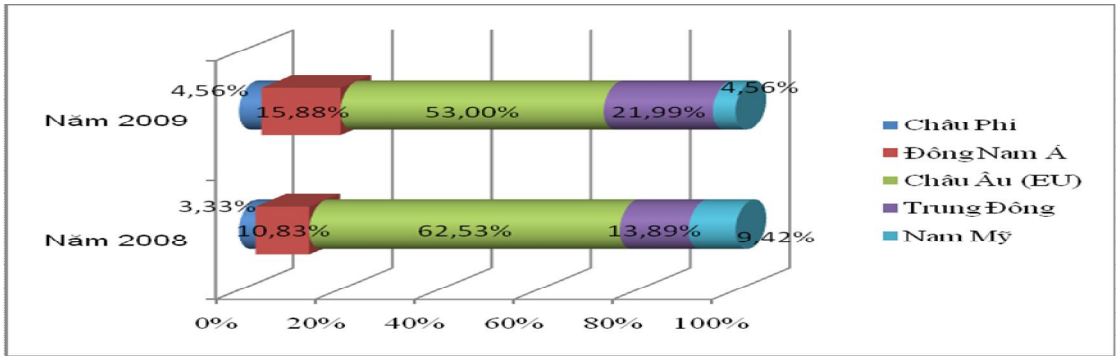

❖ *Nguyên vật liệu*

✓ Nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn cung cá tra là yếu tố quyết định trong ngành xuất khẩu cá tra Việt Nam nói chung và của IDI nói riêng.

- Đối với nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu số 1, hoạt động thu mua nguyên liệu luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty. Có đến hơn 80% chi phí của Công ty là sử dụng vào việc thu mua cá nguyên liệu. Kết quả của việc thu mua nguyên liệu sẽ tác động trực tiếp đến giá thành sản xuất, hiệu quả kinh doanh, tiến độ sản xuất, chất lượng hàng hóa,…Nhận thức được vấn đề này, HĐQT đã phân công 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách bộ phận nguyên liệu và trực tiếp thương thảo hợp đồng với các hộ nuôi cá.

- Trên thực tế, mối liên kết giữa người nuôi cá và các nhà máy chế biến thủy sản ở Việt Nam thiếu yếu tố bền vững, do đó thị trường cá nguyên liệu luôn luôn bất ổn, biến động về sản lượng, giá cả và khó dự đoán. Đỉnh điểm của mối quan hệ này là cuộc khủng hoảng thừa cá nguyên liệu giữa năm 2008 khiến người nuôi cá Đồng bằng sông Cửu Long lao đao và Chính phủ đã phải can thiệp để cứu người nuôi cá. Những yếu tố này phần nào đã ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của Công ty vì nguyên liệu gắn liền với hoạt động của nhà máy. Tuy nhiên việc cá nguyên liệu dư thừa, giá giảm xuống thấp cũng không nâng cao được lợi nhuận cho Công ty vì các nhà nhập khẩu cá luôn nắm được tình hình sản xuất trong nước nên khi giá thấp thì có xu thế mua chậm lại, số lượng ít đi để chờ giá xuống thấp hơn nữa và bắt đầu ép giá các nhà chế biến xuất khẩu cá của Việt Nam. Đây là một khó khăn phổ biến hiện nay.

- Trước tình hình đó, mặc dù mới tham gia vào ngành chế biến xuất khẩu cá tra, IDI đã có sự chuẩn bị đồng bộ từ đầu. Công ty đã tổ chức một lực lượng thu mua gồm những cán bộ giàu kinh nghiệm, trải khắp các vùng nuôi cá nguyên liệu chủ chốt trên các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ để kịp thời nắm bắt tình hình, theo dõi sát các biến động của thị trường, cung cấp những thông tin chính xác và có lợi nhất. Nhờ vậy, Ban lãnh đạo Công ty có thể ra quyết định, thu mua cho nhà máy những lô cá nguyên liệu tốt nhất theo nhu cầu của Công ty. Hơn nữa, Công ty đã tạo được mối quan hệ nghiêm túc, sòng phẳng và có uy tín với những ngư dân đã từng cung cấp cá cho Công ty. Mặc dù thị trường giá cá nguyên liệu luôn biến động thất thường, tình hình khủng hoảng tài chính tiền tệ của Việt Nam và thế giới năm 2008 ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nhưng IDI luôn cố gắng thực hiện tốt các cam kết đã ký trong hợp đồng mua cá với người nuôi. Chính điều này là nền tảng vững chắc cho việc đảm bảo nguồn cung cấp cá nguyên liệu cho nhà máy

sản xuất trong những giai đoạn khó khăn nhất. Kết thúc năm 2009, tổng khối lượng cá nguyên liệu Công ty đã thu mua của người nuôi là 31.265 tấn. Trong đó, chủ yếu chia đều cho 3 tỉnh Cần Thơ (Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh), An Giang (Long Xuyên, Châu Phú) và Đồng Tháp (Lấp Vò, Lai Vung). Cá nguyên liệu của IDI không nhiễm kháng sinh, ký sinh trùng, không dịch bệnh và đáp ứng tiêu chuẩn cá nguyên liệu tốt để chế biến thành phẩm có thể xuất đi mọi thị trường tiêu thụ trên thế giới. Phương thức thanh toán thông thường của IDI là tạm ứng cho người nuôi 10% đến 20% giá trị hợp đồng sau khi chuyển hết cá về nhà máy và thanh toán dứt điểm từ 20% đến 40% giá trị hợp đồng ngay sau đó.

Hình 8: Vùng nuôi thủy sản

✓ Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

➢ *Cá nguyên liệu:*

- Nhìn chung, mặc dù vùng nguyên liệu tự chủ của IDI chỉ đáp ứng được 12% nhu cầu nguyên liệu của Công ty hiện nay, nhưng vấn đề cung cấp cá nguyên liệu trong năm 2008 đã diễn ra thuận lợi, đáp ứng tốt nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy hoạt động sản xuất và đã tạo được tiền đề cơ bản. Trên cơ sở mối quan hệ tốt đẹp với người nuôi đã được hình thành, trong tình hình sụt giảm sản lượng cá nguyên liệu trong năm 2009, nhà máy vẫn đủ cá nguyên liệu để sản xuất.

Hình 9: Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản

- Từ đầu năm 2009, Công ty đã chủ động xây dựng các vùng nguyên liệu để đảm bảo sản lượng cá nguyên liệu đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, cụ thể như:

  - Vùng nguyên liệu tự chủ: IDI đã thành lập xí nghiệp nuôi trồng thủy sản để quản lý và phát triển vùng nuôi diện tích hiện tại là 10 ha, sản lượng khai thác đạt 6.000 tấn/năm đáp ứng 12% sản lượng nguyên liệu cho nhà máy.

- Vùng nguyên liệu kết hợp: Trong thời gian qua, IDI đã liên kết với hơn 20 hộ nuôi cá, cung cấp sản lượng dự kiến khoảng 38.000 tấn nguyên liệu/năm, tương đương 76% sản lượng nguyên liệu cần cho nhà máy sản xuất. IDI cung cấp thức ăn cho cá cho các hộ nuôi liên kết theo giá thị trường đồng thời thu mua cá của các hộ dân nuôi liên kết theo giá thị trường do đó đảm bảo được nguồn cung cấp ổn định.

- Vùng nguyên liệu khác: số nguyên liệu còn lại được IDI thu mua trực tiếp từ các chủ nuôi mà Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp tin cậy lâu nay theo giá thị trường và theo yêu cầu nguyên liệu của nhà máy để đáp ứng các đơn hàng mà vùng nguyên liệu của công ty không đủ. Do có vị trí thuận lợi nằm ngay ngã ba Sông Hậu, trung tâm vùng nguyên liệu giáp ranh ba tỉnh An Giang – Đồng Tháp – Cần Thơ nên sản lượng cá mà IDI thu mua của người dân vẫn đáp ứng tốt cho nhà máy hoạt động trong thời gian qua. Để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ngày càng tăng, IDI đang chủ động mở rộng hợp tác với hơn 10 hộ nuôi cá mới.

- Hiện nay IDI đang tích cực phát triển hình thức vùng nguyên liệu kết hợp để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy thủy sản số 1 sau khi nâng cấp với công suất 600 tấn nguyên liệu/ngày.

Hình 10: Một trong những vùng đầu tư nguyên liệu thủy sản của IDI

➢ *Bao bì:*

Nhà cung cấp bao bì trên thị trường hiện nay khá nhiều, do vậy việc lựa chọn nhà cung cấp để đảm bảo chất lượng mẫu mã và giá cả cạnh tranh,... không khó khăn. Đối với IDI, mẫu mã bao bì sản phẩm được Công ty thiết kế và thuê các đối tác in ấn. Các nhà cung cấp bao bì của IDI trong thời gian qua gồm có:

Bảng 8: Danh sách nhà cung ứng bao bì

TT	Nhà cung ứng	Địa chỉ	Sản phẩm
1	Công ty Bao Bì Bảo Vệ Thực Vật An Giang	23 Q. lộ 91, P. Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, An Giang	Thùng carton
2	Công ty CP Bao Bì Thủy Sản	246 Đường Đồng Khởi, Q.1, TP.HCM	Thùng, PE (Polyethylene)
3	Công ty TNHH Kim Ngọc Long	19A4, Đường số 2, KCN Trà Nóc, P. Tra nóc, Bình Thủy, Cần Thơ	PA (Polyamit), rider, decal

TT	Nhà cung ứng	Địa chỉ	Sản phẩm
4	Công ty TNHH SX-TM Bao Bì Giấy Nguyên Phước	466 Vĩnh Viễn, P 8, Q 10, TP. HCM	Thùng carton
5	Công ty CP Nhựa Rạng Đông	190 Lạc Long Quân, P3, Q 11, TP. HCM	PA
6	Công ty TNHH Bao Bì và Thương Mại Vạn Thành	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lã, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Thùng carton

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

❖ *Cơ cấu chi phí*

Bảng 9 : Cơ cấu chi phí

Yếu tố chi phí	Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng /DTT (%)
Giá vốn hàng bán	601.489.608.763	85,44	744.423.477.775	78,63
Chi phí bán hàng	48.268.386.495	6,86	62.527.674.140	6,60
Chi phí quản lý DN	9.196.378.896	1,31	10.837.755.295	1,14
Chi phí tài chính	25.241.629.026	3,59	51.975.141.459	5,49
Tổng chi phí	684.196.003.180		869.764.048.669	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Do đặc thù của ngành thủy sản, đặc biệt IDI mới tham gia thị trường thủy sản nên chi phí giá vốn của IDI nhìn chung chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu thuần.

- Năm 2009, tỷ trọng giá vốn trên doanh thu thuần có xu hướng tăng so với năm 2008 là do giá cá nguyên liệu biến động tăng khi nhu cầu thu mua cá xuất khẩu từ các doanh nghiệp tăng trở lại. Mặt khác, sau những đợt giá cá nguyên liệu biến động mạnh trong năm 2008, nguồn cung cấp cá từ các hộ nuôi tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã giảm đáng kể, do đó Công ty phải tốn nhiều chi phí hơn để tiếp cận những nguồn cá đạt yêu cầu.

- Cũng trong năm 2009, chi phí tài chính của IDI cũng đã tăng đáng kể sau khi Công ty tăng mạnh tỷ lệ nợ vay trong tổng nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp năng lực sản xuất.

- Hiện tại, Ban lãnh đạo IDI đang cố gắng kiểm soát, cải tiến và thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất để hạn chế các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất như hao hụt nguyên vật liệu… nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy, trong năm 2010, mặc dù doanh thu thuần tăng hơn 240 tỷ VND nhưng giá vốn chỉ tăng hơn 140 tỷ VND và tỷ lệ giá vốn/doanh thu thuần của IDI giảm từ 85,44% năm 2009 xuống 78,63% năm 2010.

- Năm 2010, mặc dù chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn tăng về số tuyệt đối

nhưng tỷ lệ các chi phí này trên tổng doanh thu lại có xu hướng giảm so với năm 2009. Tuy nhiên, chi phí tài chính năm 2010 lại tăng cả về số tuyệt đối lẫn tương đối so với năm trước đó. Cụ thể năm 2010, chi phí tài chính của IDI lên tới gần 52 tỷ VND và bằng 5,49% tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp.

❖ *Trình độ công nghệ của Công ty*

- Ngay từ khi còn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, HĐQT của IDI đã ý thức điều kiện sản xuất sẽ là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng lâu dài đến hết vòng đời hoạt động sản xuất hàng hóa của nhà máy. Địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, nhà xưởng trang thiết bị là những nền tảng căn bản mà không dễ dàng điều chỉnh khi có bất cập. Vì vậy, Ban lãnh đạo IDI đã tham quan, nghiên cứu rất nhiều nhà máy trong ngành trước khi phê duyệt phương án thiết kế xây dựng cho nhà máy của Công ty. Từ việc nghiên cứu đặt vị trí xây dựng nhà máy đến sơ đồ tổ chức mặt bằng sản xuất, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị chế biến cấp đông, hệ thống quản lý, con người, tổ chức sản xuất đến việc áp dụng các chương trình quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của Việt Nam và quốc tế; đảm bảo hàng hóa sản xuất ra có giá thành thấp, chất lượng tốt để có thể tiêu thụ trên thị trường thế giới ngay cả ở những thị trường khó tính nhất.

- Về vị trí, nhà máy chế biến thủy sản số 1 được đặt ở nơi khá thuận lợi về đường giao thông thủy lẫn giao thông bộ, rất thuận tiện cho việc vận chuyển cá nguyên liệu và vận chuyển thành phẩm tiêu thụ. Nhà máy nằm tại khu vực trung tâm vùng nguyên liệu nên nguồn cung cấp cá luôn dồi dào. Nhà máy cũng nằm ở vùng trung tâm nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực trong ngành chế biến cá tra nên lực lượng lao động phong phú, có nhiều cơ hội thu tuyển nhân viên giỏi. Mặc khác, nhà máy lại nằm trong cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng qui mô sản xuất khi có nhu cầu phát triển.

- Về tổ chức mặt bằng, dây chuyền sản xuất cũng rất logic và khoa học. Từ việc vận chuyển nhập cá nguyên liệu đến cách tổ chức dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm, bố trí các phòng chức năng phụ trợ, các hạng mục công trình phụ một cách hợp lý; giúp đơn giản hóa công tác quản lý và tiết giảm đáng kể chi phí. Tổ chức không gian bên ngoài khu vực sản xuất cũng rất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường, tạo cảm giác an tâm ngay từ đầu cho tất cả khách hàng khi vừa đặt chân đến nhà máy.

Hình 11: Dây chuyền sản xuất của Nhà máy thủy sản số 1

- Thiết bị cấp đông và thiết bị chế biến đều là thiết bị tiên tiến nhất hiện nay; mới 100%, chủ yếu nhập từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ; đảm bảo hoạt động ổn định, sản xuất ra hàng hóa có chất lượng cao, cho phép nhà máy bán tự động và tự động hóa phần lớn các hoạt động sản xuất.

Hình 12: Hệ thống cấp đông hiện đại trong Nhà máy thủy sản số 1

- Mặt khác, 100% lực lượng công nhân nhà máy tại các công đoạn quan trọng, đòi hỏi có kỹ năng đều là lao động lành nghề, thu hút từ các nhà máy khác. Hơn 80% cán bộ quản lý sản xuất của nhà máy từ Giám đốc đến nhân viên đều là những người đã có kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các nhà máy khác trong ngành, đảm bảo quá trình sản xuất hàng hóa được quản lý tốt và giá thành sản xuất hợp lý.

- Đến quý III/2010, Công ty đã đầu tư hoàn thành một số các hạng mục chính của nhà máy chế biến thủy sản số 1 như sau:

  - Nhà xưởng chính có diện tích 12.270 m^2 đáp ứng công suất chế biến tối đa 600 tấn nguyên liệu/ngày.

  - Hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày.

  - Kho lạnh chứa hàng diện tích 3.200 m^2 sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.

Hình 13: Kho lạnh chứa hàng

  - Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn nước theo tiêu chuẩn của Châu Âu, công suất xử lý 240m^3 nước/giờ.

  - Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo qui định của Việt Nam, công suất xử lý 240m^3 nước/giờ.

  - Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và máy phát điện dự phòng 3.250 KVA.

Hình 14: Trạm phát điện của Nhà máy thủy sản

- Trạm cân cá với 2 bàn cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.
- Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 1.500 người.
- Xưởng cơ khí sửa chữa.
- Trung tâm kiểm nghiệm.
- Hệ thống sân đường, cây xanh.
- Đội xe vận tải hàng hóa (bao gồm vận chuyển nguyên liệu và vận chuyển hàng lạnh thành phẩm đi cảng xuất).

- Hiện tại, IDI đã hoàn tất các quy trình chế biến, sản xuất cá tra xuất khẩu với mục tiêu nhằm đạt được kết quả cao nhất tại các công đoạn trong chu trình chế biến sản phẩm cá tra/basa, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng tại các công đoạn, từ đó nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và sự thỏa mãn của khách hàng.

Sơ đồ 3: Quy trình quản lý sản phẩm

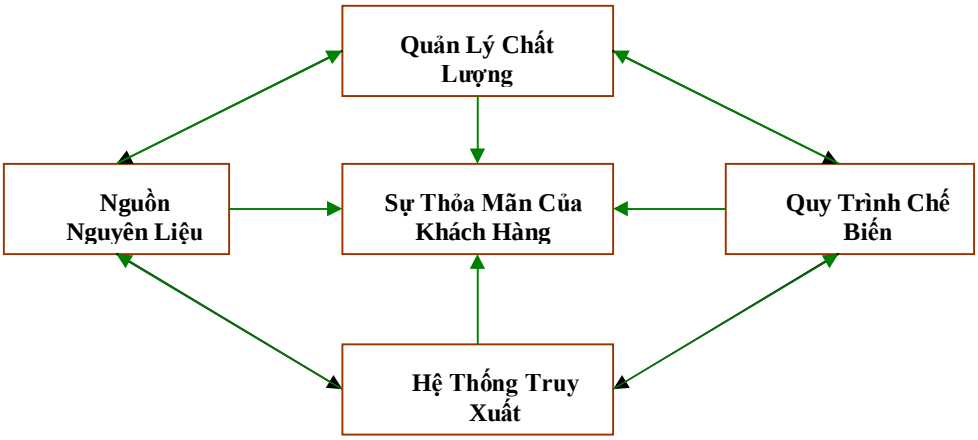

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Sơ đồ 4: Quy trình hệ thống truy xuất

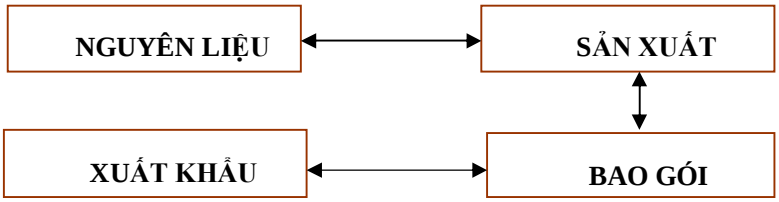

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Sơ đồ 5: Quy trình chế biến

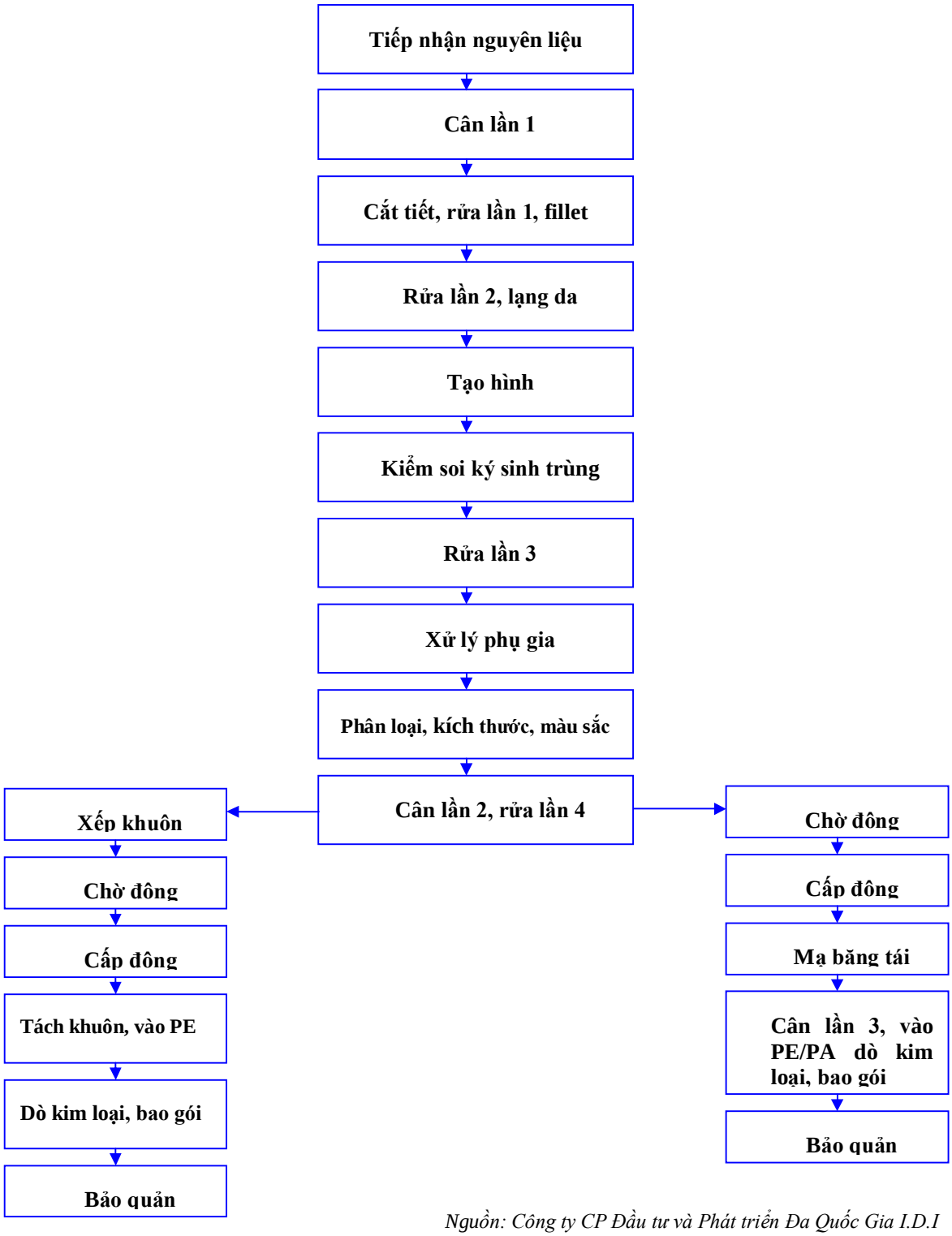

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

❖ *Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới*

- Sau gần 03 năm tham gia vào thị trường xuất khẩu thủy sản, IDI đã đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu đáng kể. Đây là một thành công ấn tượng mà không phải doanh nghiệp nào cũng làm được.

- Hiện tại, Ban lãnh đạo Công ty đang chuẩn bị đưa vào vận hành nhà máy chế biến phụ phẩm từ quá trình sản xuất cá tra fillet xuất khẩu do Trisedco làm chủ đầu tư. Thay vì bán phần phụ phẩm cho các đầu nậu với giá thấp, nhà máy Trisedco thu mua 100% phụ phẩm từ IDI sau đó sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu ăn….Từ đó, làm tăng giá trị các sản phẩm khi cung cấp ra thị trường, tạo nên thu nhập đáng kể cho Công ty trong những năm tới.

- Ngoài ra, Ban lãnh đạo IDI cũng đang nghiên cứu lĩnh vực mới như: Mua bán, chế biến xuất khẩu gạo, đây là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định nhất khi tình hình kinh tế xã hội có nhiều biến động như năm vừa qua. Thực tế cho thấy, người dân có thể cắt giảm chi tiêu đối với các mặt hàng khác để bảo toàn cuộc sống, nhưng không thể ngừng mua gạo. Lúa gạo là mặt hàng thiết yếu đối với nhu cầu sống hàng ngày, khi giá gạo tăng lên thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Vì vậy, với lợi thế trụ sở tại khu vực có diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước, trong thời gian tới, IDI sẽ mở rộng đầu tư vào lĩnh vực này.

❖ *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

- Nhà máy thủy sản của IDI được áp dụng các chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ngành của Việt Nam qui định. Hoạt động đầu tháng 4 năm 2008 thì đầu tháng 5 năm 2008, nhà máy đã được Cục Quản lý Chất lượng, An toàn Vệ sinh và Thú y Thủy sản (Nafiqaved) cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Đặc biệt nhà máy đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng được tổ chức INTERTEK của Mỹ cấp giấy chứng nhận phù hợp theo tiêu chuẩn quốc tế như HACCP, ISO 9001: 2000, BRC, IFS, HALAL,….Đây là những bằng chứng thuyết phục chứng minh hàng hóa của IDI sản xuất ra có chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắt khe nhất của thị trường thế giới.

- Trong các phân đoạn sản xuất, chất lượng sản phẩm luôn được kiểm tra chặt chẽ.

  - Khâu kiểm tra và soi ký sinh trùng: Bán thành phẩm sau khi tạo hình xong, được đưa qua bàn soi ký sinh trùng có độ sáng 540 lux trở lên để soi ký sinh trùng, nếu phát hiện có ký sinh trùng thì loại sản phẩm ra khỏi dây chuyền sản xuất. Khâu này được thực hiện trước khi các bán thành phẩm được xử lý phụ gia.

  - Khâu xử lý phụ gia: Cá sau khi rửa được đưa vào cối quay xử lý phụ gia, dung dịch thuốc pha sẵn theo tỷ lệ 2.5:1(2.5 cá:1 dung dịch). Mỗi mẻ xử lý 250kg, thời gian xử lý 10-15 phút, tùy theo từng loại cá và yêu cầu của khách hàng.

  - Khâu phân màu phân cỡ: Cá Fillet được phân màu thành các loại màu: trắng, hồng nhạt, hồng đậm, vàng nhạt, vàng đậm. Cá Fillet được phân thành các cỡ như: 60-120, 120-170, 170-220, 220-Up gr/miếng, hoặc 3-5, 5-7, 7-9,…Oz/miếng tùy theo yêu cầu khách hàng. Quá trình phân màu, phân cỡ cần diễn ra nhanh chóng, chính xác và đảm bảo được các tiêu chuẩn đề ra.

  - Khâu dò kim loại:

    + Đối với sản phẩm cấp đông block (phương pháp cấp đông thành một khối thống nhất): Cho mỗi block cá vào một túi PE, sau đó các sản phẩm được thực hiện dò kim loại và các sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được bao gói và đóng thùng carton.

    + Đối với các sản phẩm cấp đông IQF (phương pháp cấp đông rời từng miếng cá): sản phẩm sau khi cấp đông, mạ băng/tái đông/cân được cho vào túi PE/PA hàn kín miệng và được cho qua máy dò kim loại trước khi bao gói vào thùng carton. Thời gian bao gói không quá 30 phút, tần suất kiểm tra máy dò kim loại 30 phút/lần.

- Khâu bảo quản: Các thành phẩm luôn được bảo quản ở kho lạnh với nhiệt độ dưới 20 ^{0}C.

- Về mặt chất lượng, hiện nay sản phẩm của nhà máy chế biến thủy sản số 1 sản xuất ra được phép tiêu thụ ở hầu hết các thị trường trên thế giới đang tiêu thụ cá tra của Việt Nam.

Hình 15: Xe lạnh đang nhập hàng tại kho lạnh của Nhà máy thủy sản số 1

❖ *Hoạt động quảng bá thương hiệu, sản phẩm*

✓ Hoạt động Marketing

- Là doanh nghiệp mới trong ngành thủy sản, khách hàng còn chưa biết nhiều về Công ty, một trong những biện pháp makerting hữu hiệu để hỗ trợ bán hàng là việc tích cực tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và phòng thương mại công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức. Hoạt động của IDI chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường nước ngoài nên Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Ngoài ra, chăm sóc khách hàng là một trong những hoạt động mà IDI đã và đang thúc đẩy.

- Trong năm 2008 và 2009, IDI đã tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thuỷ sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ.... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới. Công ty cũng quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP. Công ty cũng thường xuyên mời khách hàng đến thăm nhà máy để họ tận mắt chứng kiến cơ sở của IDI, qua đó tăng niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Bên cạnh đó, định kỳ Công ty cũng gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

Hình 16: IDI tham gia Hội chợ triển lãm thủy sản Quốc tế

✓ Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

- Tuy phải đối mặt với những khó khăn lớn trong thời kỳ khủng hoảng tài chính vừa qua nhưng IDI cũng luôn quan tâm chia sẻ lợi nhuận để thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện vì cuộc sống cộng đồng. Trong năm 2008 và 2009, IDI cũng đã chi hàng trăm triệu đồng để đóng góp vào các quỹ từ thiện vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, tặng hơn 12 căn nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo ở địa phương, tham gia chương trình ăn Tết vì người nghèo, trực tiếp tặng quà cho các gia đình nghèo, trẻ em cơ nhỡ, những gia đình khó khăn ở các vùng bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh,v.v. Tài trợ cho các chương trình ca nhạc gây quỹ từ thiện, quỹ người nghèo do một số đài truyền hình trung ương và địa phương tổ chức. Không những làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương mà tấm lòng nhân ái của IDI còn vươn ra nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.

- Công ty cũng tham gia thường xuyên trên các Báo, Đài có uy tín từ trung ương đến địa phương như đài Truyền hình VTV1, HTV7, HTV9, Truyền hình Trung ương tại Thành phố Cần Thơ, Truyền hình Vĩnh Long, Truyền hình An Giang, v.v. Tạp chí Thủy Sản, Tạp chí chứng khoán, Báo Đầu tư tài chính, Báo An Giang .v.v để phổ biến hình ảnh của IDI đến công chúng. Tạo ra những ấn tượng tốt đẹp về hình ảnh IDI.

- Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động IDI cũng tuân thủ tốt các qui định của pháp luật từ trung ương đến địa phương. Tạo được mối quan hệ với các cơ quan chức năng, lãnh đạo các cấp, các đối tác, người nuôi cá,.... Điều này giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu tốt đẹp cho Công ty.

❖ *Nhãn hiệu thương mại và bản quyền*

✓ Logo:

✓ Pháp lý:

Logo của IDI đã được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 5472/QĐ-SHTT ngày 24/03/2009.

✓ Danh mục sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu:

- Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến: Cá basa, cá tra, tôm, mực, nghêu, sò.
- Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản.
- Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản.
- Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản: Cá nước ngọt gồm cá tra, cá Basa; lươn; các loại cá biển như cá bob, cá ngừ, nuôi trồng thủy hải sản.

❖ *Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết*

- Tuy mới gia nhập ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam từ năm 2008, đến nay IDI đã có hơn 60 khách hàng ở 05 khu vực thị trường.

- Từ vị trí 33 trong danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam cuối năm 2008 với

kim ngạch hơn 11,4 triệu USD, năm 2009, IDI đã được xếp trong top 12 trên hơn 100 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra với kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 32,4 triệu USD. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của IDI trong thời gian vừa qua.

- Hiện tại, IDI đã ký được nhiều hợp đồng với các khách hàng có thời gian giao hàng đến hết quý 2 năm 2010. Dưới đây là một số hợp đồng đã ký với khách hàng mà IDI đang và sẽ thực hiện:

Bảng 10: Danh sách một số khách hàng hiện tại của IDI

STT	Tên khách hàng	Nước nhập khẩu	Số hợp đồng	Thời gian giao hàng	Giá trị (USD)
1	CAPICO DISTRIBUCION S.A. DE C.CV	MEXICO	014011IDI-CAP15	03/2011 đến 04/2011	1.912.500
2	CENDISMAR	COLOMBIA	100410IDI-CDM04	11/2010 đến 01/2011	326.880
3	PRODUCTOS VARIADOS ALMENTICIOS FISH AND MORE SA DE CV.	MEXICO	100410IDI-PVA03	12/2010	224.640
4	ABRAMCZYK SP ZO.O	BA LAN	111810IDI-AB47	12/2010	441.600
6	WILBO S.A	BA LAN	122310IDI-WB26	01/2011	255.375
7	ASOPESPA LTDA	COLOMBIA	112910IDI-AL13	12/2010	291.250
9	ADRI & ZOON B.V.	HÀ LAN	090410IDI-AD09	10/2010	201.480
10	MEKONG GROUP	UKRAINA	01-MK-IDI	2011	20.000.000

Nguồn: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

1.2.Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

❖ *Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty*

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của IDI

Chỉ tiêu	Năm 2009 (VND)	Năm 2010 (VND)
Tổng giá trị tài sản	865.938.922.304	1.299.648.511.514
Doanh thu thuần	703.967.070.573	946.691.519.106
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.012.696.419	101.523.627.920
Lợi nhuận khác	1.779.141.275	3.024.246.838
Lợi nhuận trước thuế	34.943.329.719	104.547.874.758
Lợi nhuận sau thuế	33.137.052.599	91.642.076.105
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	5,00%	10%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, 2010 của Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Tổng tài sản: Tại thời điểm 31/12/2010, tổng tài sản của IDI tăng mạnh, tăng 433 tỷ VND

(tương đương tăng 50%) so với thời điểm cuối năm 2009, cụ thể gồm:

- Năm 2010, tài sản dài hạn của Công ty tăng không đáng kể so với năm 2009. Trái ngược hẳn với tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn của IDI đã tăng lên mạnh mẽ. So với năm trước đó, tài sản ngắn hạn năm 2010 của Công ty đã tăng lên gần 432 tỷ VND, tương đương với hơn 100% và đạt 847,6 tỷ VND.

- Sự tăng lên của tài sản ngắn hạn trong năm 2010 chủ yếu do sự tăng lên của các khoản phải thu ngắn hạn. Trong năm 2010, các khoản phải thu ngắn hạn tăng hơn 230 tỷ VND tương đương với mức tăng là hơn 100% so với năm 2009.

- Bên cạnh đó, để đảm bảo lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất, cũng như lượng thành phẩm đủ để đáp ứng nhu cầu khách hàng khi hoạt động kinh doanh xuất khẩu cá tra fillet đang phát triển mạnh mẽ, IDI đã chủ động nâng giá trị hàng tồn kho lên mức 237,55 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2010, tăng khoảng 113 tỷ VND (tương đương khoảng 90%) so với tại thời điểm cuối năm 2009.

- Doanh thu thuần:

  - Từ khi tham gia hoạt động xuất khẩu thủy sản vào tháng 04/2008, doanh thu năm 2008 của IDI đã tăng mạnh, tăng 272 tỷ VND so với năm 2007. Năm 2009, doanh thu của IDI đã đạt hơn 703 tỷ VND, tăng 150% so với doanh thu năm 2008 cho thấy Công ty đã có chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu hiệu quả.

  - Trong năm 2010 công ty cũng đã mở rộng được mạng lưới khách hàng và ngày 1 tháng 10 năm 2010, nhà máy thủy sản số 1 đã hoàn thành và đi vào vận hành với công suất thiết kế là 600 tấn nguyên liệu/ngày. Điều này góp phần gia tăng doanh thu thuần của hoạt động bán hàng nói riêng và tổng doanh thu thuần của IDI nói chung. Ngoài ra, trong năm 2010 việc xây dựng hoàn thành và chuyển giao nhà máy phụ phẩm cho Trisedco cũng giúp IDI đem lại hơn 70 tỷ VND doanh thu. Chính điều này cũng giúp cho doanh thu thuần của IDI tăng mạnh so với năm 2009.

- Lợi nhuận sau thuế:

  - Năm 2009, Công ty thu được hơn 33 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, tăng 24,4% so với năm 2008, cũng chủ yếu từ hoạt động xuất khẩu thủy sản và kinh doanh bất động sản.

  - Năm 2010, lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng đột biến đạt hơn 91 tỷ VND, tăng 58,5 tỷ VND tương đương với mức tăng 176,6% so với năm trước đó. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này chính là do hoạt động chế biến xuất khẩu thủy sản đã hoạt động hiệu quả hơn, lợi nhuận gộp biên từ hoạt động chuyển giao nhà máy cho Trisedco cao cũng cũng đem lại lợi nhuận đáng kể cho IDI trong năm 2010.

❖ *Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo*

✓ Thuận lợi

- Từ khi được thành lập, IDI luôn nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang. Đặc biệt, các thành viên Ban lãnh đạo của IDI phần lớn đã từng tham gia hoạt động tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang, vì vậy được kế thừa kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành cũng như phát triển hoạt động kinh doanh.

- Nhà máy của IDI có vị trí thuận lợi về giao thông đường thủy, vì vậy thuận lợi trong quá trình vận chuyển nguồn nguyên liệu cá từ các vùng nuôi lân cận và vận chuyển sản phẩm từ nhà máy lên các cảng tại Tp.HCM.

- Là doanh nghiệp trẻ trong ngành xuất khẩu cá Tra, IDI có điều kiện tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm từ các doanh nghiệp đã hoạt động nhiều năm. Đồng thời, Công ty cũng đã gom tụ được nhiều cán bộ trẻ năng động, có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cao, đã đóng góp nhiều công sức giúp IDI có được sự tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn vừa qua.

- Đến nay, người tiêu dùng ở nhiều khu vực, quốc gia trên thế giới đã dần quen với hình ảnh con cá tra/basa của Việt Nam, do đó việc tiếp cận và phát triển thị trường xuất khẩu của IDI đã không còn khó khăn như trước đây.

- Xuất khẩu thủy sản là một trong những lĩnh vực mang lại ngoại tệ cho Việt Nam vì vậy luôn được Chính phủ quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển.

- Nhà máy chế biến thủy sản số 1 hoàn thành với công suất 600 tấn nguyên liệu/ngày cũng góp phần gia tăng doanh thu của IDI trong năm 2010.

✓ Khó khăn

- Bên cạnh nhiều thuận lợi, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trong đó có IDI đã gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng các quy định của WTO về vấn đề kiểm soát chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Năm 2009, kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục trải qua nhiều biến động, nhu cầu tiêu dùng ở các khu vực vẫn chưa phục hồi, đây là một yếu tố thực sự khó khăn đối với IDI trong giai đoạn đầu hoạt động.

- Tại Việt Nam, chính sách siết chặt tín dụng đã gây ra nhiều khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ cho hoạt động vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hiện tại, Việt Nam đã có Hiệp hội thủy sản, tuy nhiên tổ chức này chưa thực sự có thể tổ chức, liên kết các doanh nghiệp trong ngành để tạo ưu thế về giá cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo lợi ích chung cho ngành thủy sản Việt Nam. Với thị trường thế giới đang dần bão hòa, hầu hết các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam chỉ biết cạnh tranh lẫn nhau để dành thị phần, vì vậy thường bị đối tác nước ngoài lợi dụng ép giá, làm giảm lợi nhuận và gây thiệt hại cho người nuôi cá.

- Do chi phí đầu tư nhà máy cao, trong khi nguồn vốn trung dài hạn từ các ngân hàng hiện nay đang dần bị siết chặt, vì vậy dự án nâng cấp nhà máy thủy sản và các dự án bất động sản do IDI làm chủ đầu tư trong thời gian qua chậm triển khai.

- Hiện tại, IDI chưa có tỷ lệ vùng nuôi tự chủ phù hợp với quy mô, đây là một khó khăn lớn trong việc chủ động nguồn nguyên liệu, ổn định giá và sản xuất trong quá trình phát triển kinh doanh.

- Hiện tại, Chính phủ chưa có những quy định cụ thể quy hoạch tổng thể hoạt động xuất khẩu thủy sản tại Việt Nam, vì vậy việc nhiều doanh nghiệp mới gia nhập ngành sẽ gia tăng áp lực cạnh tranh cho IDI trong quá trình phát triển, cũng như có thể làm giảm lợi nhuận của Công ty.

- Sự kiện cá tra Việt Nam bị đưa vào danh sách đỏ của WWF cũng ảnh hưởng tới sự cạnh

tranh, thị trường của các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu tại Việt Nam nói chung và của IDI nói riêng.

- Đối với lĩnh vực bất động sản, các dự án của IDI dự định triển khai đang vướng phải những quy định về chi phí đền bù giải tỏa của cơ quan thẩm quyền. Đây là khó khăn chung của hầu hết các doanh nghiệp trong ngành bất động sản trong quá trình phát triển quỹ đất.

1.3.Chính sách cổ tức

Bảng 12: Chính sách cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010	
	Tỷ lệ (%)	Số tiền (1.000 VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (1.000 VND)
Cổ tức phải trả	5%	11.405.352	10%	38.000.000

Nguồn: BCTC của IDI và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên các năm 2010, 2011

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do HĐQT đề xuất và do ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Năm 2008, do IDI vừa đi vào hoạt động, nguồn vốn sử dụng đầu tư cơ bản chiếm tỷ lệ cao, trong khi đó tình hình kinh tế - tài chính gặp nhiều khó khăn, vì vậy tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ của Công ty ở mức phù hợp.

Năm 2009, kinh tế Việt Nam và một số nước trên thế giới đã dần thoát khỏi giai đoạn khó khăn nhất nhưng cần phải có nhiều thời gian để sản xuất phục hồi. Vì vậy, Công ty tiếp tục chia cổ tức trên vốn điều lệ bằng tiền mặt là 5%, phần lợi nhuận còn lại sẽ được tái đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển kinh doanh.

Năm 2010, mức cổ tức của Công ty là 10%.

1.4.Tình hình hoạt động tài chính

❖ *Các chỉ tiêu cơ bản*

✓ Trích khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ (theo quyết định số 206/2003/QĐ - BTC):

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 10 – 20 năm
- Phương tiện vận tải: 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn Không tính khấu hao

✓ Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên:

Bảng 13: Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2009 (VND/người/tháng)	Năm 2010 (VND/người/tháng)
Mức lương bình quân	4.000.000	5.000.000

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

✓ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Các khoản nợ của IDI luôn được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

✓ Các khoản phải nộp theo luật định:

- Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của nhà nước.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Bảng 14: Các khoản phải nộp theo quy định

TT	Các khoản phải nộp	Năm 2009 (VND)	Năm 2010 (VND)
1	Thuế giá trị gia tăng	41.361.527.002	35.022.438.575
2	Thuế xuất, nhập khẩu	130.404.443	334.259.813
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.814.819.259	12.905.798.653
4	Thuế thu nhập cá nhân	528.763.419	927.447.169

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Bảng 15: Các khoản đã nộp nhà nước

TT	Các khoản đã nộp	Năm 2009 (VND)	Năm 2010 (VND)
1	Thuế giá trị gia tăng	45.877.687.254	37.956.546.078

TT	Các khoản đã nộp	Năm 2009 (VND)	Năm 2010 (VND)
2	Thuế xuất, nhập khẩu	104.065.368	360.598.888
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.212.656.852	1.739.791.119
4	Thuế thu nhập cá nhân	503.567.817	278.385.233

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

✓ Trích lập các quỹ theo luật định:

- Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.
- Các năm trước đây, do đang trong giai đoạn đầu tư nên Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ. Từ năm 2009, Công ty bắt đầu trích lập các quỹ theo quy định.

Bảng 16: Số dư các quỹ

STT	Trích lập các quỹ	31/12/2009 (VND)	31/12/2010 (VND)
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.065.637.504	3.053.860.660
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.065.637.504	3.053.860.660
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	945.637.504	2.579.660.660
	Tổng cộng	**3.076.912.512**	**8.687.381.980**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 của Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia IDI

✓ Tổng dư nợ vay:

Bảng 17: Vay ngắn hạn

STT	Vay ngắn hạn	31/12/2009 (VND)	31/12/2010 (VND)
1	Ngân hàng TMCP Liên Việt – chi nhánh TP.HCM	-	
2	Ngân hàng TMCP Ngoai Thương VN – Chi nhánh Đồng Tháp	87.496.317.500	
3	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh An Giang	9.382.500.000	
4	Ngân hàng Ngoại Thương – Chi nhánh An Giang	179.992.156.209	284.966.825.944
5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Chi nhánh An Giang	41.381.938.917	107.857.706.280
6	Ngân hàng No&PTNT – Chi nhánh Lấp Vò	3.000.000.000	9.600.000.000

STT	Vay ngắn hạn	31/12/2009 (VND)	31/12/2010 (VND)
7	Ngân hàng TMCP Liên Việt – Chi nhánh An Giang	-	35.632.732.727
8	Bà Phạm Thị Thu Vân	640.000.000	640.000.000
	Tổng cộng	**321.892.912.626**	**438.697.264.951**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 của Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia

Bảng 18: Vay và nợ dài hạn

STT	Vay và nợ dài hạn	31/12/2009 (VND)	31/12/2010 (VND)
	Vay dài hạn	**103.180.311.364**	**84.026.272.444**
1	Vay ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1 Tp. HCM	13.396.830.000	10.774.830.000
2	Vay ngân hàng Ngoại thương Đồng Tháp	20.590.000.000	
3	Vay ngân hàng Ngoại thương An Giang	24.873.481.364	19.273.481.364
4	Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn An Giang	44.320.000.000	53.977.961.080
	Nợ dài hạn	**3.815.933.538**	**2.497.514.241**
5	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương TP. HCM	3.815.933.538	2.497.514.241
	Tổng cộng	**106.996.244.902**	**86.523.786.685**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 của Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia

- Từ năm 2009, do nhu cầu đầu tư, phát triển kinh doanh nên tổng dư nợ tín dụng của IDI tăng nhanh so với năm 2008. Tính đến 31/12/2009, tổng dư nợ tín dụng của Công ty đã tăng 230% so với tại thời điểm 31/12/2008.

- Trong năm 2010, các khoản vay dài hạn của IDI có xu hướng giảm trong khi các khoản vay ngắn hạn của Công ty tăng mạnh. So với thời điểm cuối năm 2009, tài sản dài hạn của công ty giảm hơn 20 tỷ VND trong khi tài sản ngắn hạn lại tăng hơn 116 tỷ VND tương ứng với mức tăng là hơn 36%.

- Hiện tại, IDI cho biết các khoản nợ trên đều là các khoản nợ trong hạn, việc thanh toán lãi và vốn gốc luôn được Công ty theo dõi thanh toán đúng thời hạn.

✓ Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 19: Nợ phải thu

TT	Chi tiết nợ phải thu	31/12/2009 (VND)	31/12/2010 (VND)
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**219.851.574.603**	**550.773.900.588**
1	Phải thu khách hàng	155.254.853.720	453.264.073.548
2	Trả trước cho người bán	60.725.095.176	61.525.450.995
3	Các khoản phải thu khác	3.871.625.707	35.984.376.045
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**219.851.574.603**	**550.773.900.588**

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Khoản phải thu khách hàng chủ yếu là công nợ của các khách hàng ngoại quốc do IDI bán thủy sản chưa đến hạn thanh toán phát sinh tại thời điểm báo cáo. Năm 2008 khi tình hình tài chính thế giới gặp nhiều khó khăn, một số khách hàng của IDI đã chậm thanh toán, tuy nhiên không có khách hàng nào chậm thanh toán quá 03 tháng. Đến nay, các khoản nợ trên đã được thu hồi. Hiện tại, những khách hàng có công nợ đều là khách hàng có lịch sử thanh toán tốt và tạo được uy tín thương mại đối với IDI trong thời gian qua.

- Giá trị khoản trả trước cho người bán nêu trên là số tiền IDI tạm ứng trước cho các nhà cung cấp nguyên liệu thủy sản và một số đối tác đang thực hiện các hợp đồng lắp đặt máy và xây dựng nhà máy thủy sản giai đoạn nâng công suất nhà máy lên 600 tấn nguyên liệu/ngày.

Bảng 20: Nợ phải trả

STT	Chi tiết nợ phải trả	31/12/2009 (VND)	31/12/2010 (VND)
I	**Nợ ngắn hạn**	**489.332.868.993**	**704.762.294.018**
1	Vay và nợ ngắn hạn	321.892.912.626	438.697.264.951
2	Phải trả người bán	130.770.003.354	200.311.803.446
3	Người mua trả tiền trước	15.902.436.267	5.984.718.973
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.580.769.320	13.923.293.331
5	Phải trả người lao động	3.889.903.819	4.448.690.331
6	Chi phí phải trả	6.485.440.683	
7	Phải trả phải nộp khác	4.811.402.924	38.816.862.326
II	**Nợ dài hạn**	**106.996.244.902**	**86.523.786.685**
	Vay và nợ dài hạn	106.996.244.902	86.523.786.685
	Tổng cộng	**596.329.113.895**	**791.286.080.703**

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Trong các khoản công nợ phải trả, ngoài các khoản vay ngân hàng (chi tiết được trình

bày ở phần trên) thì khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng chủ yếu. Đây là công nợ IDI còn phải thanh toán cho các nhà cung nguyên liệu cá, các đối tác thực hiện xây dựng cụm công nghiệp Vàm Cống, đối tác xây dựng lắp đặt máy móc thiết bị cho giai đoạn nâng công suất lên 600 tấn nguyên liệu/ngày.

- Trong thời gian qua, IDI luôn thanh toán các khoản nợ đúng hạn, nhằm đảm bảo uy tín trong kinh doanh.

❖ *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn ***TSLĐ/Nợ ngắn hạn***	Lần	0,85	1,20
+ Hệ số thanh toán nhanh ***(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn***	Lần	0,59	0,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,69	0,61
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,21	1,56
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho ***Giá vốn hàng bán*** ***Hàng tồn kho bình quân***	Lần	5,4	4,11
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,81	0,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,71	9,68
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,29	18,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,83	7,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,39	10,72

Nguồn:Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 và năm 2010 của IDI

1.5. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Hung	Phó chủ tịch HĐQT
3	Lê Xuân Quế	Thành viên HĐQT
4	Lê Văn Chung	Thành viên HĐQT
5	Quách Mạnh Hào	Thành viên HĐQT
6	Trương Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Văn San	Thành viên HĐQT
Ban Kiểm soát		
1	Lê Thị Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Lê Thị Ngọc An	Ủy viên
3	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ban Điều hành		
1	Nguyễn Văn San	Tổng giám đốc
2	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Văn Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
5	Đinh Hoài Ân	Giám đốc tài chính
Kế toán trưởng		
1	Lê Xuân Định	Kế toán trưởng
Đại diện công bố thông tin		
1	Nguyễn Văn San	Đại diện công bố thông tin

Hội đồng quản trị

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Lê Thanh Thuấn**

Họ và tên : Lê Thanh Thuấn
CMND số : 350006170 cấp ngày 17/01/2008 tại Tỉnh An Giang
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 10/3/1958
Nơi sinh : Xuân Thịnh – Triệu Sơn – Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Triệu Sơn – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang

Điện thoại : 0939 009 036
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng
Quá trình công tác :

- Từ 1977 – 1979 :Cán bộ Sở Xây Dựng An Giang;
- Từ 1979 – 1980 :Cán bộ Sở quản lý nhà đất An Giang;
- Từ 1980 – 1982 :Cán bộ Ban Xây dựng, UBND tỉnh An Giang;
- Từ 1982 – 1986 :Chánh văn phòng Uỷ ban xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang;
- Từ 1986 – 1992 :Giám đốc Công ty liên doanh Kiến trúc An Giang;
- Từ 1992 – 1995 :Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty xây dựng Miền tây, Bộ xây dựng.
- Từ 1997 – nay :Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

Chức vụ công tác hiện nay :Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc và Khoáng sản Châu Á

Số lượng cổ phần sở hữu : 13.493.596 cổ phần, chiếm 35,51% vốn điều lệ

Trong đó sở hữu cá nhân : 4.927.117 cổ phần, chiếm 12,97% vốn điều lệ

Đại diện CTCP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang: 8.566.479 cổ phần chiếm 22,54%

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	Lê Ngọc Xuyến	Anh	170774361	23.000	0,061
2	Lê Văn Thông	Anh	172321457	12.000	0,032
3	Lê Văn Thủy	Em	351627326	84.375	0,222
4	Lê Văn Chung	Em	351393479	442.174	1,164
5	Lê Văn Thành	Em	351400599	178.185	0,469
6	Lê Thị Thiên Trang	Con	351916791	300.000	0,789
7	Lê Thị Nguyệt Thu	Con	351592182	211.200	0,556
7	Võ Thị Thanh Tâm	Vợ	351343854	100.000	0,263

- **Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Văn Hung**

Họ và tên : Nguyễn Văn Hung
CMND số : 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 18/05/1954
Nơi sinh : Đồng Tháp
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Đồng Tháp
Địa chỉ thường trú : 49/30 Khúc Thừa Dụ, P Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang
Điện thoại liên lạc : 0918145668
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Trung cấp xây dựng
Trình độ chính trị : Trung cấp
Quá trình công tác :

- Từ 1975 -1988 : Công tác tại phòng chính trị tỉnh đội An Giang
- Từ 1988 -1989 : Giám đốc Xí nghiệp Cát – Sở XD Tỉnh An Giang
- Từ 1909 -1990 : Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang
- Từ 1990 – 1995 : Đội trưởng Đội quản lý thị trường Tỉnh An Giang
- Từ 1995 – 1997 : Thanh tra Sở thương mại du lịch tỉnh An Giang
- Từ 1997 – nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
Chức vụ tại các tổ chức khác :

- Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Số lượng cổ phần sở hữu : 483.480 cổ phần, chiếm 1,27% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có

- **Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Lê Xuân Quế**

Họ và tên : Lê Xuân Quế
CMND số : 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 1968
Nơi sinh : Triệu Sơn – Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Triệu Sơn – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : 647B/33 Tôn Thất Thuyết, TP Long Xuyên, An Giang
Điện thoại liên lạc : 0913971343
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cao đẳng
Trình độ chính trị :
Quá trình công tác :

- Từ 1992 - 1996 : Công tác tại XN Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng;
- Từ 1997 - 2003 : Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam;
- Từ 2003 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.

Chức vụ công tác hiện nay :Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
- Thành viên HĐQT Công ty Du lịch & Phát triển Thủy Sản.
- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư tài chính
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc và Khoáng sản Châu Á

Số lượng cổ phần sở hữu : 376.760 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ:
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có

- **Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Lê Văn Chung**

Họ và tên : Lê Văn Chung
CMND số : 351393479 cấp ngày 03/09/1996 tại Tỉnh An Giang
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 1964
Nơi sinh : Triệu Sơn – Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Triệu Sơn – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : 72, Trần Nhật Duật, TP Long Xuyên, An Giang
Điện thoại : 0913 694 597
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Trung cấp Cơ khí
Quá trình công tác :

- Từ 1985 -1987 : Phụ trách tiền lương Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- Từ 1987 -1991 : Lao động tại CHDC Đức
- Từ 1991 - 1994 : Công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang;
- Từ 1994 – 1996 : Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền tây;

- Từ 1997 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản

Số lượng cổ phần sở hữu : 442.174 cổ phần, chiếm 1,164% vốn điều lệ:

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	Lê Ngọc Xuyến	Anh	170774361	23.000	0,061
2	Lê Văn Thông	Anh	172321457	12.000	0,03
3	Lê Thanh Thuấn	Anh	350006170	4.927.117	12,97
4	Lê Văn Thủy	Anh	351627326	84.375	0,22
5	Lê Văn Thành	Em	351400599	178.185	0,47

- **Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Quách Mạnh Hào**

Họ và tên : Quách Mạnh Hào

Số CMND số : 012159661, cấp ngày 01/08/1998 tại CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 05/03/1976

Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : P.501, Đ12, TT Nam Đồng, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 098458666

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ 31/12/2006- 31/12/2007: Là cán bộ tư vấn cao cấp Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
- Từ 01/01/2008 đến 07/08/2008 : Phân tích Đầu tư Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
- Từ 08/08/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Thăng Long

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty Đa Quốc Gia IDI

Chức vụ tại các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Quản lý Quỹ MB
Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Thăng Long
Thành viên HĐQT Công ty CP Y tế Danameco
Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ.

- Trong đó sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
Số lượng cổ phiếu của những người liên quan: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

- **Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Trương Vĩnh Thành**

Họ và tên : Trương Vĩnh Thành
CMND số : 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại CA An Giang
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 07/7/1977
Nơi sinh : Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định
Địa chỉ thường trú : Nhà 83 lô E1, Khu đô thị Sao Mai, Long Xuyên, An Giang
Điện thoại : 0907 599 015
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
Quá trình công tác :

- Từ 1999 - 2001 : Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
- Từ 2001 - 2004 : Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Điển hình An Giang, Trưởng phòng KCS, Trưởng phòng Marketing Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai
- Từ 2005 - 2007 : Trưởng phòng Quản lý Đầu tư Cty CP Dầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm Phó Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Từ 2008 – tháng 3/2011 : Tổng giám đốc Cty CP Đa Quốc Gia IDI

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
Chức vụ tại các tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và XD Sao Mai
Số lượng cổ phần sở hữu : 14.700 cổ phần, chiếm 0.039% vốn điều lệ trong đó.

- Sở hữu : 14.700 cổ phần
- Đại diện sở hữu : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Số lượng cổ phần những người liên quan: Không có

- **Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Văn San**

Họ và tên : Nguyễn Văn San
CMND số : 361902934 cấp ngày 03/04/1999 tại CA Cần Thơ
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 05/11/1964
Nơi sinh : Hải Dương
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hải Dương
Địa chỉ thường trú : Lô 48, khu dân cư 91/23, đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Điện thoại : 0908 979 462
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

- Từ 1989 -1992 : Công ty liên doanh kiến trúc An Giang;
- Từ 1992 - 2000 : Công ty Xây dựng miền tây – Bộ Xây Dựng;
- Từ 2000 - 2005 : Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai
- Từ 2005 – nay : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI).

Chức Vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
Chức vụ tại các tổ chức khác : Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng Sản
Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ trong đó:

- Sở hữu : Không có
- Đại diện Sở hữu : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Số lượng cổ phiếu của những người liên quan: Không có

Ban Điều hành

- **Tổng Giám đốc- Ông Nguyễn Văn San**

Như đã trình bày ở phần Hội đồng quản trị

- **Phó Tổng Giám đốc – Ông Lê Văn Chung**

Như đã trình bày ở phần Hội đồng quản trị

- **Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Minh Dũng**

Họ và tên : Nguyễn Minh Dũng
CMND số : 225085841 cấp ngày 22/01/2009 tại Tỉnh Khánh Hòa
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 10/03/1976
Nơi sinh : Sơn Lộc – Ninh An – Ninh Hòa -Tỉnh Khánh Hòa
Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh
Quê quán : Sơn Lộc – Ninh An – Ninh Hòa -Tỉnh Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú : Sơn Lộc – Ninh An – Ninh Hòa -Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại liên lạc : 0907195197
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế biến thủy sản
Quá trình công tác :

- Từ 1991-1993 : Làm tại Công ty TNHH Nam Việt , Long Xuyên , An Giang
- Từ 1994-1997 : Làm tại Công ty TNHH Tuấn Anh, Long Xuyên , An Giang
- Từ 1998-2005 : Làm tại Công ty TNHH Thủy sản Bình An, Cần Thơ.
- Từ 2006-nay : Làm tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có
Số lượng cổ phần sở hữu : 3.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có

- **Phó Tổng Giám đốc- Ông Lê Văn Cảnh**

Họ tên : Lê Văn Cảnh
Số CMND : 352272634 Cấp ngày 11/ 08 / 2010 tại tỉnh An Giang
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 10/09/ 1975
Nơi sinh : Xuân Thịnh - Triệu Sơn - Thanh Hóa
Quốc Tịch : Việt Nam
Dân Tộc : Kinh
Quê quán : Xuân Thịnh - Triệu Sơn - Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : 46 G1- Đường Lê Hoàn - TP Long Xuyên tỉnh An Giang
Điện thoại : 0913 830 612
Trình dộ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ thuật xây dựng
Quá trình công tác:

- Từ 1997 - 2000 : Học tại Trường Xây dựng Miền Tây
- Từ 2000 - 2007 : Làm tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnhAn Giang
- Từ 2007 – 2010 : Làm tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI

Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
Chức vụ tại các tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á.

Số lượng Cổ Phần sở hữu : 6.400 cổ phần, chiếm 0.02 % vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 6.400 cổ phần
- Đại diện sở hữu : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

- **Giám đốc tài chính - Ông Đinh Hoài Ân**

Họ và tên : Đinh Hoài Ân

CMND số : 351156439 cấp ngày 17/11/2005 tại công an An Giang

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 1973

Nơi sinh : An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phú Lâm, Phú Tân, An Giang

Địa chỉ thường trú : 209 – Lầu 1 – Khu chung cư Cồn Phó Quế , Điện Biên Phủ, thành phố Long Xuyên , tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0918 398 560

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác

- Từ 1992 -2000 : Công tác tại trung tâm dịch vụ việc làm An Giang;
- Từ 2000 – 2001 : Nhân viên kế toán tại Công ty AFIEX;
- Từ 2002 – 2006 : Trưởng phòng kế toán tài vụ Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai
- Từ 2007 – nay : Trưởng BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.

Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc Tài chính Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chức vụ tại các tổ chức khác : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn : Không có.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.

- **Kế toán trưởng – Ông Lê Xuân Định**

Họ và tên : Lê Xuân Định

CMND số : 172620734 cấp ngày 10/04/2003 tại CA Thanh Hoá.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 04/03/1985

Nơi sinh : Thanh Hoá
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thanh Hoá
Địa chỉ thường trú : 333 Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
Điện thoại : 01689.284.560
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác :

- Từ 2007 – nay : Công tác tại phòng kế toán Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.

Chức Vụ công tác hiện nay: Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có
Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
Các khoản nợ với Công ty : Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có

Ban kiểm soát

- **Trưởng Ban kiểm soát – Bà Lê Thị Phượng**

Họ và tên : Lê Thị Phượng
CMND số : 171652200 cấp ngày 02/02/1996 tại CA Thanh Hóa
Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 1980
Nơi sinh : Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xuân Thịnh – Triệu Sơn – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú :54G1, Khu Đô thị Sao Mai, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
Điện thoại : 0938 700 699
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác

- Từ 2004 -200 : Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai;
- Từ 2007 - nay : Kế toán trưởng CTCP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai

Chức Vụ công tác hiện nay : Trưởng BKS Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
Chức vụ tại các tổ chức khác : Kế toán trưởng CTCP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
Số lượng cổ phần sở hữu : Không có

- Sở hữu : Không có

- Đại diện sở hữu : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan :

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
Lê Ngọc Xuyến	Cha	170774361	23.000	0,061

- **Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Hương**

Họ và tên : Nguyễn Thị Hương
Số CMND số : 351573787 cấp ngày 09/10/1999 tại CA An Giang
Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 1984
Nơi sinh : Long Điền B – Chợ Mới – An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hà Lai – H. Hà Trung – Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : 34D3, Lý Bôn, Bình Khánh 7, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
Điện thoại : 0976 511 033
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán
Quá trình công tác:

- Từ 2007đến nay : Nhân viên kế toán CTCP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai AG

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên BKS CTCP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia
Chức vụ tại các tổ chức khác : Nhân viên kế toán CTCP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai AG
Số lượng cổ phần sở hữu : Không có
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

- **Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Lê Thị Ngọc An**

Họ và tên : Lê Thị Ngọc An
Số CMND số : 172341816 cấp ngày 24/10/2002 tại CA Thanh Hóa
Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 05/10/1986
Nơi sinh : Thọ Phú - H.Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thọ Phú - H.Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
Điện thoại : 01253.637.569
Trình độ học vấn : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Kế Toán
Quá trình công tác:

- Từ 2010 đến nay : Nhân viên kế toán CTCP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản (Trisedco)

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
Chức vụ tại các tổ chức khác : Nhân viên kế toán Công ty Trisedco
Số lượng cổ phần sở hữu : Không có
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

- **Đại diện công bố thông tin – Ông Nguyễn Văn San**

Như đã trình bày ở phần Hội đồng quản trị

1.6.Tài sản

Bảng 22: Giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2009

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	**111.282.464.601**	**6.347.306.789**	**104.935.157.812**
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	7.620.933.584	304.465.094	7.316.468.490
Máy móc thiết bị	96.348.652.938	4.832.815.693	91.515.837.245
Phương tiện vận tải	5.114.387.410	847.230.050	4.267.157.360
Thiết bị quản lý	914.200.930	196.904.301	717.296.629
Tài sản cố định khác	1.284.289.739	165.891.650	1.118.398.089
Tài sản có định thuê tài chính	**10.078.565.166**	**923.868.462**	**9.154.696.704**
Tài sản cố định vô hình	**82.345.172.199**	**-**	**82.345.172.199**
Quyền sử dụng đất	82.345.172.199	-	82.345.172.199
Tổng cộng	**203.706.201.966**	**7.271.175.251**	**196.435.026.715**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Bảng 23: Giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2010

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	**159,162,077,807**	**16,295,048,980**	**142,867,028,827**
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	17,534,809,246	726,548,306	16,808,260,940
Máy móc thiết bị	133,312,724,351	13,504,562,102	119,808,162,249
Phương tiện vận tải	5,047,465,864	1,422,679,049	3,624,786,815

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Thiết bị quản lý	982,700,021	338,558,506	644,141,515
Tài sản cố định khác	2,284,378,325	302,701,016	1,981,677,309
Tài sản có định thuê tài chính	**10.078.565.166**	**1,931,724,966**	**8,146,840,200**
Tài sản cố định vô hình	**38,843,887,749**	0	**38,843,887,749**
Quyền sử dụng đất	38,843,887,749	0	38,843,887,749
Tổng cộng	**208,084,530,722**	**18,226,773,946**	**189,857,756,776**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Giá trị tài sản cố định hữu hình của IDI hiện tại chủ yếu là giá trị máy móc thiết bị phục vụ sản xuất cá tra fillet và kho lạnh gồm băng chuyền cấp đông, băng chuyền tái đông, dàn ngưng, dàn lạnh, hệ thống dây chuyền fillet cá, hệ thống máy nén.
- Tài sản cố định thuê tài chính của IDI là ô tô tải kèm thùng tải.
- Tài sản vô hình của Công ty đến thời điểm 31/12/2010 gồm: quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Bảng 24: Quyền sử dụng đất của Công ty theo giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

Mã tài sản	Tên tài sản	Diện tích (m2)	Giá trị còn lại đến thời điểm 31/12/2010 (VND)
T00068	Quyền sử dụng đất số T00068 (89.882,5 m2)_Cụm Công nghiệp	89.882,50	15.432.825.300
T00077	Quyền sử dụng đất số T00077 (93.000 m2)_Cụm Công nghiệp Vàm Cống	5.659,30	1.144.575.450
532294	QSDĐ số 532294 (Thửa số 312, Tờ 01)_Bình Thành	1.765,00	700.000.000
AO 972418	QSDĐ số 972418 (thửa 425, Tờ 1a)_Bình Thành	671,00	1.358.787.000
A561973	QSDĐ số A561973 (Thửa số 30, Tờ bản đồ 01a)_Bình Thành	500,00	385.412.000
T02303	QSDĐ T02303mA_Bình Khánh	80,40	402.000.000
T02304	QSDĐ T02304mA_Bình Khánh	75,10	450.600.000
T02318	QSDĐ T02318mA_Bình Khánh	92,00	810.000.000
QSDĐ	QSDĐ của Nguyễn Trung Thành(31.631 m2)	31.631,00	16.400.000.600
05172	QSDĐ số 05172(Thửa đất 255_ Bà Linh: 7058 m2)	7.058,00	1.439.687.399
T701970	QSDĐ số 701970, thửa 359 (104m2)_ Mỹ Dung	104,00	160.000.000
X 706747	QSDĐ số 706747, thửa 358 (104m2)_ Văn Thiện	104,00	160.000.000
	TỔNG		**38.843.887.749**

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Ngoài các dự án IDI đã được cấp quyền sử dụng đất, Công ty cũng có những dự án đã hoàn thành thủ tục đền bù giải tỏa và đang trong giai đoạn chờ cấp quyền sử dụng đất để triển khai

đầu tư. Mặt khác, một số dự án khác của IDI đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông qua chủ trương đầu tư và đang trong quá trình đền bù giải tỏa để tiến tới việc cấp quyền sử dụng.

- Với các khu đất IDI được cấp quyền sử dụng đất, tài sản của IDI đã được Công ty CP Thông tin và Định giá Tây Nam Bộ (SIAC) định giá theo chứng thư thẩm định giá ngày 13/5/2010, cụ thể như sau:

Bảng 25: Danh sách tài sản được định giá

STT	Tên tài sản	Giá trị thẩm định (VND)
1	Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị cao cấp Sao Mai phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.	37.036.916.000
2	Quyền sử dụng đất tại hẻm nội bộ Chưởng Binh Lễ, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.	414.470.000
3	Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống và Khu nhà máy phụ phẩm Trisedco xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	336.932.850.000
4	Quyền sử dụng đất tại đường Ven Sông Hậu, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	17.877.940.000
5	Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng tại Khu tái định cư Cụm Công nghiệp Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	21.076.060.000
6	Máy móc thiết bị	239.296.206.000
Tổng cộng		**652.634.442.000**

Nguồn: Chứng thư thẩm định giá tài sản số Vc 10/05/335/TS, ngày 13/05/2010 của SIAC

1.7.Chính sách đối với người lao động

❖ *Số lượng lao động trong công ty:*

- Tổng số lao động tại thời điểm 20/03/2010: 1.356 người
- Phân theo trình độ người lao động:
  - Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học: 105 người
  - Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp: 72 người
  - Cán bộ có trình độ sơ cấp: 61 người
  - Công nhân và công nhân kỹ thuật: 1.118 người
- Phân theo giới tính:
  - Lao động nữ: 762 người
  - Lao động nam: 594 người

Hình 17: Công nhân sản đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của Nhà máy thủy sản

❖ *Chính sách đối với người lao động:*

Ngoài việc thực hiện nghiêm túc các qui định của Luật Lao động về chế độ chính sách đối với người lao động, IDI còn có chính sách ưu đãi đối với cán bộ, công nhân có trình độ và tay nghề. Đây là một yếu tố vô cùng quan trọng để thu hút và giữ chân lực lượng lao động giỏi, trong bối cảnh cạnh tranh rất gay gắt trên thị trường lao động trong ngành hiện nay.

Thu nhập bình quân đối với CBCNV của IDI là 4 triệu đồng/người/tháng trong năm 2009. Đặc biệt, IDI còn có chính sách xây nhà tập thể cho cán bộ – nhân viên. Tất cả công nhân phải ở nhà trọ hay phải qua phà, đò công ty cũng có chính sách hỗ trợ 100% phí. Đi đôi với việc hỗ trợ là chính sách thưởng trong những ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, tết nguyên đán. Công ty cũng có chính sách thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định, đạt thành tích xuất sắc trong quá trình công tác.

Không chỉ quan tâm chăm lo đời sống cán bộ nhân viên, để đảm bảo mục tiêu phát triển, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành IDI đã thống nhất chủ trương tuyển dụng các lao động có trình độ và kinh nghiệm để bố trí vào các vị trí chủ chốt.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức đào tạo lại lực lượng công nhân, đào tạo nội bộ hoặc gửi đi đào tạo bên ngoài một số cán bộ để nâng cao nghiệp vụ, xây dựng lực lượng kế thừa và dự trữ nguồn cán bộ lãnh đạo khi Công ty mở rộng qui mô hoạt động.

Hình 18: Một buổi làm việc của cán bộ Phòng Kế toán

1.8.Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ *Vị thế của công ty trong ngành*

✓ Ngành thủy sản:

- Mới tham gia vào lĩnh vực xuất khẩu thủy sản của Việt Nam khoảng 30 tháng nhưng đến nay IDI đã có hơn 60 khách hàng tại 5 khu vực thị trường gồm EU, Đông Nam Á, Châu Phi, Trung Đông và Nam Mỹ. Kết thúc năm đầu tiên tham gia xuất khẩu, IDI được xếp thứ 33 trong hơn 100 doanh nghiệp xuất khẩu Tra. Tuy nhiên, tính đến cuối năm 2009, thương hiệu IDI đã được xếp trong top 12 trong số hơn 100 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam, với kim ngạch hơn 32 triệu USD. Cho thấy tốc độ phát triển của IDI khá nhanh.

- Hiện tại, IDI đã hoàn thiện nhà máy số 1, tăng công suất thiết kế lên 600 tấn nguyên liệu/ngày. Đồng thời, Trisedco – doanh nghiệp do IDI góp 40% vốn cũng đang hoàn thiện nhà máy. Sang năm 2011, nhà máy của IDI và Trisedco đều sẽ vận hành, do vậy dự kiến doanh thu và lợi nhuận cho IDI sẽ tăng trong năm nay.

- So với nhiều doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản, IDI có lợi thế lớn là được cấp quyền sử dụng (theo hình thức giao đất có thu tiền) 18.398,5 m^2 đất tại khu vực ngã ba sông Hậu, nằm trên quốc lộ 80 do đó rất thuận lợi về giao thông đường thủy và đường bộ. Đặc biệt, trong nhiều năm tới, sau khi dự án Luồng tàu trọng tải trên 10.000 DWT của Chính Phủ Việt Nam hoàn thành, IDI sẽ triển khai dự án xây dựng cảng biển nước sâu, mở rộng ngành nghề kinh doanh, đồng thời Công ty cũng có thể trực tiếp xuất khẩu, giảm thiểu chi phí và thời gian khi phải vận chuyển hàng hóa lên TP. HCM rồi mới xuất khẩu như hiện nay.

- Với mức vốn điều lệ 380 tỷ VND, IDI được đánh giá là một trong những doanh nghiệp lớn có nhiều tiềm năng phát triển trong khu vực, đặc biệt là sau khi Công ty vận hành giai đoạn 03 của nhà máy thủy sản số 1, đồng thời khởi động các dự án như dự án Khu công nghiệp liên hợp cảng nước sâu Vàm Cống, Khu đô thị phía Nam thị trấn Lấp Vò.

✓ Ngành bất động sản:

Dựa vào quỹ đất sạch hiện có, Công ty sẽ xúc tiến nhanh các dự án để phát triển nhanh mảng đầu tư bất động sản. Trong thời gian tới, Công ty sẽ xúc tiến đầu tư trên các khu đất hiện có: Đầu tư cụm công nghiệp Vàm Cống, Đầu tư khu đô thị phía Nam thị trấn Lấp Vò, dự án Khu liên hợp Cảng nước sâu Vàm Cống. Ngoài ra, Công ty đã hoàn thành thủ tục đền bù giải tỏa và đang trong giai đoạn chờ cấp quyền sử dụng đất để triển khai đầu tư trong thời gian tới.

❖ *Triển vọng phát triển của ngành*

✓ Tổng quan ngành thủy sản Việt Nam:

- Trong số các nước xuất khẩu thủy sản trên thế giới, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản nhanh nhất, với tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2008 đạt khoảng 18%/năm. Trong đó, từ năm 2001, Việt Nam đã có tên trong nhóm 10 Quốc gia có lĩnh vực xuất khẩu thủy sản mạnh nhất trên thế giới.

- Theo Hiệp hội thủy sản, cả năm 2009, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 4.251,3 triệu USD, giảm 5,7% so với năm 2008 do tình hình kinh tế các nước nhập khẩu gặp nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu dùng giảm.

Biểu đồ 6: Thị trường và sản phẩm thủy sản xuất khẩu năm 2009

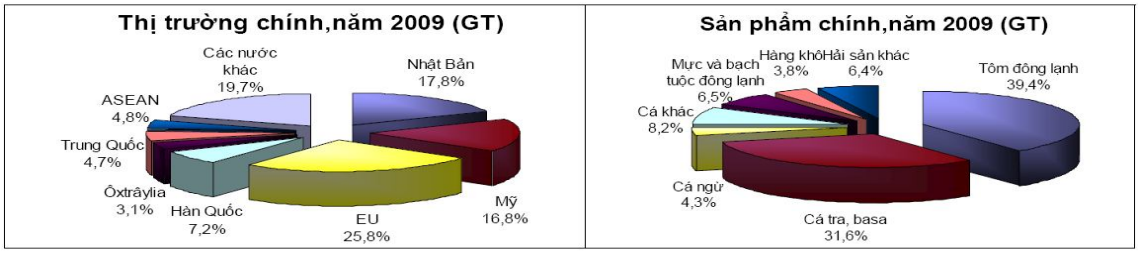

Nguồn: Hiệp hội Thủy sản Việt Nam – Vasep

Biểu đồ 7: Xuất khẩu thủy sản năm 2007-2009

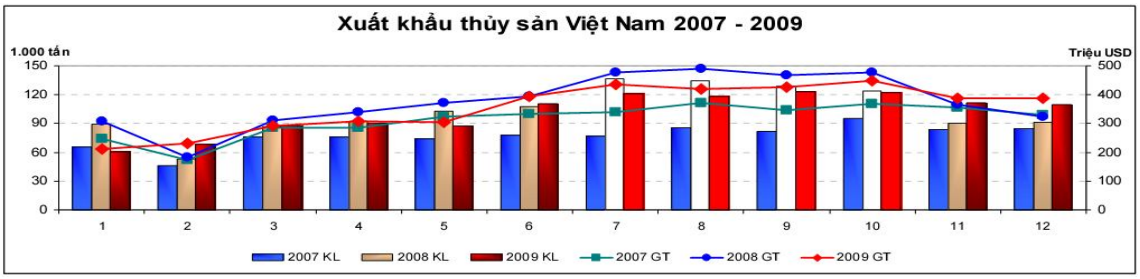

Nguồn: Hiệp hội Thủy sản Việt Nam – Vasep

- Nền kinh tế toàn cầu bắt đầu hồi phục giúp nhu cầu tiêu dùng những tháng đầu năm 2010 tăng trưởng trở lại, đã giúp kim ngạch xuất khẩu thủy sản 6 tháng đầu năm 2010 của Việt Nam đạt 2,02 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2009. Đây là dấu hiệu cho thấy khả năng tăng trưởng của ngành thủy sản 2010 sẽ khả quan so với kết quả thực hiện năm 2009.

- Theo số liệu từ tổng cục thống kê, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong năm 2010 đạt 5,03 tỷ USD, vượt so với kế hoạch đề ra.

✓ Triển vọng xuất khẩu cá tra, basa Việt Nam:

- Với tốc độ phát triển nhanh của ngành thủy sản trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam được đánh giá là một trong những nhà sản xuất và cung cấp hàng thủy sản của thế giới. Trong đó, cá tra, basa là mặt hàng đặc thù của ngành thủy sản Việt Nam. Năm 2009, tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, xuất khẩu cá tra lao đao bởi những rào cản từ các nước nhập khẩu chính, trong khi nguồn cung cấp nguyên liệu trong nước không ổn định. Việc Mỹ dự định đưa cá tra của Việt Nam vào danh mục cá da trơn theo luật FarIDIill 2008 là một điều bất lợi cho mặt hàng cá tra vốn đang phải chịu áp thuế chống bán phá giá. Tại Nga, lệnh cấm cá tra Việt Nam từ tháng 12/2008, đến tháng 05/2009 đã mở cửa nhập khẩu, nhưng số doanh nghiệp cũng như khối lượng nhập khẩu hạn chế, đã tác động xấu đến sự phát triển cá tra tại thị trường này. Ngoài ra, những "chỉ trích" của một số phương tiện truyền thông từ một số nước EU, Trung Đông… đã làm hạn chế xuất khẩu mặt hàng này. Vì vậy, xuất khẩu cá tra năm 2009 của Việt Nam đã giảm 20% so với cùng kỳ. Trong năm 2010, việc đưa cá tra của Việt Nam vào danh sách đỏ của WWF cũng khiến cho khả năng cạnh tranh của Việt Nam bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, cũng có thể thấy rằng, việc hoàn thiện về quy trình chăn nuôi, chế biến cũng như việc kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm sẽ góp phần nâng cao sức cạnh tranh của cá tra Việt Nam. Chính vì vậy, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong những năm tới là hoàn

toàn có thể.

Biểu đồ 8: Thương mại cá tra Việt Nam

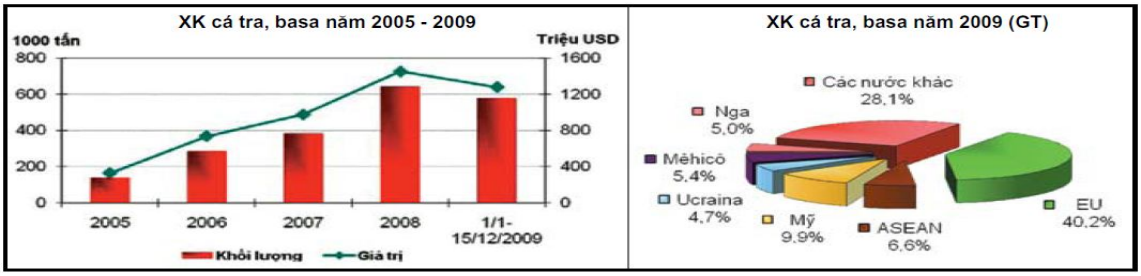

Nguồn: Hiệp hội Thủy sản Việt Nam – Vasep

- Tuy nhiên, với lợi thế điều kiện tự nhiên thuận lợi, chi phí nhân công rẻ, nguồn nguyên liệu đang được nhiều tổ chức và cá nhân trong nước quan tâm đầu tư, hoạt động xuất khẩu được sự khuyến khích, hỗ trợ từ các cơ quan chức năng… hoạt động chế biến và xuất khẩu cá tra Việt Nam trong năm qua đã có những bước tiến vững chắc.

Biểu đồ 9: Giá cá tra xuất khẩu trung bình

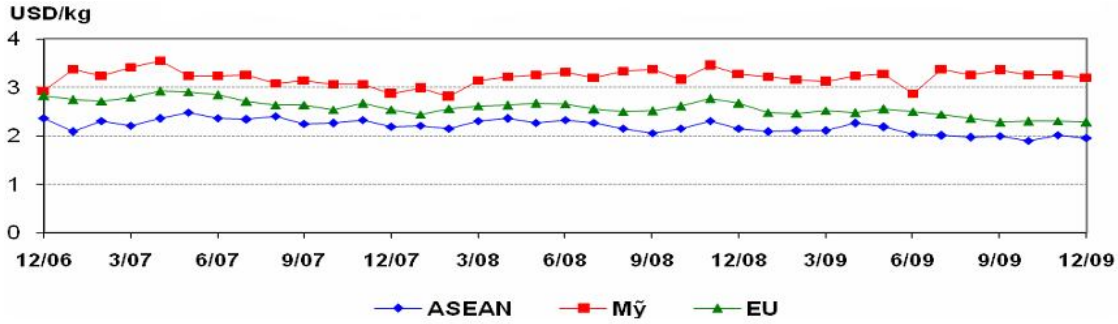

Nguồn: Hiệp hội Thủy sản Việt Nam – Vasep

- Song song đó, ở các thị trường nhập khẩu, sản phẩm cá tra Việt Nam đã và đang làm thay đổi thói quen tiêu dùng cá thịt trắng ở Mỹ, EU và Nga… Do vậy, hoạt động xuất khẩu cá tra trong nước dự kiến sẽ có những bước phát triển và ổn định trong thời gian tới.

- Sáu tháng đầu năm 2010, mặt hàng cá chiếm 52% trong cơ cấu hàng thủy sản của Việt Nam, đạt 449 nghìn tấn, kim ngạch đạt hơn 1 tỷ USD, tăng 18,9% về lượng và 16,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2009. Trong đó, nhóm hàng cá tra, basa chiếm 66% kim ngạch xuất khẩu cá các loại, đạt hơn 204 nghìn tấn, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2009. Giá trị xuất khẩu cá tra, cá basa đạt 653 triệu USD, tăng 6% so với 6 tháng đầu năm 2009.

  Tuy nhiên, hiện tại các doanh nghiệp đang đối diện với nhiều khó khăn.

  - Thị trường châu Âu: Tình trạng giá nguyên liệu chế biến tăng lên do thiếu nguồn cung, cũng như các quy định về truy xuất nguồn gốc thủy sản của EU (IUU) đang tạo nhiều áp lực lên doanh nghiệp. Khủng hoảng nợ công tại châu Âu, ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Cuộc khủng hoảng này đã bắt đầu, khiến cho nhu cầu tiêu dùng ở châu lục này chững lại. Bên cạnh đó, đồng Euro đang mất giá so với USD khiến hàng xuất khẩu từ Việt Nam trở nên kém cạnh tranh hơn. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2010, xuất khẩu thủy sản sang EU đã đạt 515 triệu USD, tăng 8,5% so

với cùng kỳ năm 2009. Mặt hàng chiếm 78% lượng xuất khẩu thủy sản là cá các loại, đạt 135 nghìn tấn (tăng 30,3% so với cùng kỳ 2009), trị giá hơn 115 triệu USD (tăng 36% so với cùng kỳ năm 2009).

- Thị trường Nga: Nga tiếp tục siết chặt thủy sản nhập khẩu, đặc biệt là cá tra, basa. Từ đầu năm 2010, đã có nhiều động thái cho thấy thị trường Nga có chủ trương siết chặt thủy sản nhập khẩu, kiểm soát chất lượng nhằm mục đích bảo hộ, tăng lượng cá tiêu thụ trong nước. Gần đây, Nga cũng đã đưa ra quy định mới về tỷ lệ mạ băng (phần nước đưa vào trong quá trình cấp đông sản phẩm. Theo quy định này, tỷ lệ mạ băng sẽ phải giới hạn từ 5%-14%, trong khi tỷ lệ mạ băng của hầu hết các sản phẩm đông lạnh của Việt Nam hiện ở mức rất cao, thậm chí lên đến 30%. Rào cản kỹ thuật mới này nếu được áp dụng, sẽ ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu thủy sản vào Nga, đặc biệt là các sản phẩm cá tra, basa.

- Thị trường Mỹ: Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã đề xuất đưa cá tra vào chủng loại catfish tại thị trường Mỹ. Chủ đề này vẫn chưa được giải quyết và nếu được phê chuẩn, cá tra và ba sa Việt Nam sẽ phải chịu chế độ kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt và khó có thể tuân thủ vì chi phí cao và tốn thời gian. Tuy nhiên nhu cầu và giá thủy sản tại thị trường này được dự báo sẽ tăng mạnh trong thời gian tới, do sự cố tràn dầu tại vịnh Mêhicô.

✓ Triển vọng phát triển của ngành bất động sản:

Ngành bất động sản vẫn là một trong những ngành thu hút được sự quan tâm nhiều nhất của các nhà đầu tư. Điều này được thể hiện thông qua con số thu hút FDI vào lĩnh vực bất động sản trong các năm vừa qua (năm 2009 là 7,4 tỷ đô la). Nhu cầu nhà ở, đặc biệt là phân khúc trung bình vẫn thiếu hụt rất nhiều so với nhu cầu thực tế của người dân. Và dự báo trong tương lai đây vẫn là một thị trường đầy tiềm năng. Bên cạnh đó, sự hồi phục của nền kinh tế thế giới cũng thu hút rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại Việt Nam, tạo ra nhiều cơ hội đối với khu đô thị, khu thương mại cho thuê và khu công nghiệp.

❖ *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới*

✓ Lĩnh vực thủy sản:

Thủy sản là một trong những ngành kinh tế đem lại kim ngạch xuất khẩu cao cho Việt Nam, trong đó cá tra là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của lĩnh vực thủy sản từ nhiều năm qua. Đặc biệt, cá tra luôn là một đặc sản của riêng Việt Nam được người tiêu dùng trên thế giới ưa chuộng, do đó, ngành chế biến xuất khẩu cá tra là một trong những ngành kinh doanh chủ chốt của IDI hiện nay và trong tương lai. Để khai thác hết tiềm năng, hiệu quả hoạt động, IDI sẽ phát triển thêm các ngành phụ trợ đi kèm như nuôi cá tra, chế biến phụ phẩm cá tra, chế biến thức ăn cho cá, sản xuất bao bì và hướng tới sản xuất gelatin từ da cá hoặc tinh lọc dầu biodiesel từ mỡ cá....Những ngành phụ trợ này khi triển khai sẽ giúp IDI tối đa hóa lợi nhuận của mình và đa dạng hóa ngành chế biến xuất khẩu thủy sản của mình.

Với định hướng phát triển thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu cá tra, ngay từ ban đầu, Ban lãnh đạo IDI đã xây dựng cơ sở hạ tầng của nhà máy theo những tiêu chuẩn hiện đại, đáp ứng công suất thiết kế của nhà máy là 600 tấn nguyên liệu/ngày. Hiện tại, IDI đang vận hành 50% công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày của nhà máy thủy sản số 1, mang lại khoảng 700 tỷ đồng doanh thu/năm. Để đạt được mục tiêu đó, Ban lãnh đạo IDI cũng đã tích cực, chủ động đón tiếp các đoàn ngoại giao cấp Chính phủ, doanh nghiệp thuộc các quốc gia nhập khẩu đến tham quan nhà máy để tạo sự tin tưởng, an tâm cho khách hàng nhằm ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu.

✓ Lĩnh vực bất động sản:

Trong quá trình hội nhập và đổi mới của Việt Nam, lĩnh vực bất động sản có tiềm năng phát triển lớn, có cơ hội sinh lời cao và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, lĩnh vực bất động sản là ngành truyền thống của IDI. Trong quá trình mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh khi ngành thủy sản tạm thời gặp khó khăn, việc phát triển mạnh mảng bất động sản như một ngành chủ chốt của Công ty là một định hướng hợp lý. Do đó,lĩnh vực bất động sản là một hoạt động mà IDI sẽ chú trọng đầu tư trong thời gian tới, dựa trên ưu thế quỹ đất hiện có của mình. Hiện tại, khu vực thị trấn Lấp Vò đang phát triển nhanh từng ngày, IDI là doanh nghiệp lớn trên địa bàn nên được các cấp chính quyền địa phương tin tưởng.

- Hiện tại công ty đã được lựa chọn làm chủ đầu tư dự án Khu đô thị phía Nam thị trấn Lấp Vò, với quy mô dự án gồm 22 ha được chia làm 488 lô nền diện tích bình quân 80 m2/lô.
- Trên địa bàn, nhu cầu của các doanh nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu, đóng tàu về địa điểm xây dựng nhà máy làm rất lớn. IDI đã có kế hoạch san lấp mặt bằng khu đất 38.689 m2 tại xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp để tìm đối tác bán hoặc cho thuê, đáp ứng được nhu cầu ngày một cao đó.
- Ngoài ra, IDI đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đầu tư Cụm công nghiệp Vàm Cống. Hiện tại IDI đang hoàn thiện nhà máy thủy sản số 1 và cho Trisedco thuê đồng thời làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm cá tra cho Trisedco.
- Đối với dự án khu liên hợp cảng nước sâu Vàm Cống: Hiện tại, khu vực đồng bằng sông Cửu Long chưa có cảng nước sâu phục vụ cho các tàu thuyền trọng tải lớn nên hầu hết các doanh nghiệp trong khu vực phải vận chuyển hàng hóa lên các cảng tại Tp. HCM rồi mới xuất hàng hóa đi nước ngoài. Quy trình vận chuyển như vậy sẽ làm tăng chi phí, kéo dài thời gian giao hàng, đặc biệt đối với các mặt hàng nông sản, thủy sản khi thời gian càng dài thì chất lượng hàng hóa sẽ càng giảm do đó ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, dự án đầu tư xây dựng cảng nước sâu của IDI là phù hợp với nhu cầu thực tế tại khu vực, cũng như định hướng phát triển hệ thống cảng biển tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long đang được các cấp chính quyền xây dựng.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 26: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010 và 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	(%) tăng giảm so với năm 2010
Vốn điều lệ	Triệu đồng	228.107	380.000	380.000	380.000	0
Doanh thu thuần	Triệu đồng	703.967	1.060.079	946.691	1.588.800	67,83
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	33.137	100.000	91.642	151.700	65,54
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	(%)	4,71	9,43	9,68	9,55	-1,34
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(%)	12,29		18,03		
Cổ tức	(%)	5	10	10	20	

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đã đề ra

Công ty đã tiến hành lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 nhằm đưa ra các chỉ tiêu phát triển phù hợp với những biến động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và theo sát diễn biến thực tại của nền kinh tế.

Bảng 27: Một số chỉ tiêu kế hoạch

Khoản mục	Năm 2011 (1.000.000 VND)
Doanh thu thuần:	1.588.800
- Bất động sản đầu tư	226.800
- Bán hàng hóa, thành phẩm	1.362.000
- Hoạt động khác	100.000
Giá vốn bán hàng:	1.278.675
- Bất động sản đầu tư	140.000
- Bán hàng hóa, thành phẩm	1.078.675
- Hoạt động khác	60.000
Chi phí tài chính	58.000
Chi phí bán hàng	67.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.000
Lợi nhuận trước thuế	167.579
Lợi nhuận sau thuế	151.700
- *Bất động sản*	66.100
- *Thủy sản*	63.000
- *Hoạt động khác*	22.600

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Kế hoạch được lập trên những căn cứ sau:

Về lĩnh vực thủy sản

- Công ty có nhiều đơn hàng trong năm 2010, năm 2011 nhờ sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu sau giai đoạn khủng hoảng tài chính trầm trọng năm 2008, 2009. Bên cạnh đó, nhà máy chế biến thủy sản số 1 đã hoàn thành và đi vào hoạt động với công suất thiết kế là 600 tấn nguyên liệu/ngày (24 giờ) cũng góp phần đẩy mạnh doanh thu của IDI trong năm 2010.

- Phân tích thị trường, đánh giá kinh nghiệm và khả năng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Khả năng nghiên cứu thị trường mới và bán hàng của Công ty.

- Có thể thấy rằng, mặc dù có sự hồi phục nhưng nền kinh tế năm 2010 vẫn rất khó khăn. Doanh thu và lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp dường như không tăng nhiều và thậm chí còn thấp hơn so với kết quả của năm 2009. Năm 2010, mặc dù không hoàn thành kế hoạch đặt ra nhưng so với kết quả của năm 2009, IDI đã có một bước phát triển vượt bậc về doanh thu và lợi nhuận.

- Ngay đầu năm 2011, có thể thấy rằng Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách kiềm chế lạm phát và hạn chế tăng trưởng tín dụng. Điều này sẽ gây khó khăn nhiều đối với các doanh nghiệp về nguồn vốn phát triển. Tuy nhiên, với việc hoàn thiện nhà máy số 1 và thị trường xuất khẩu thủy sản của IDI tiếp tục được mở rộng với nhiều đơn đặt hàng hơn là một căn cứ quan trọng giúp cho Công ty tiếp tục nâng cao kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

- Ngoài ra, IDI cũng thực hiện đầu tư hệ thống nhà máy, vùng nuôi và dây truyền khép kín để tối đa hóa giá trị sản phẩm của Công ty và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong sản xuất chế biến và kinh doanh.

Về lĩnh vực bất động sản

- Đối với các dự án bất động sản của IDI, trong năm 2011 do những hạn chế về mặt tăng trưởng tín dụng khiến cho nguồn vốn sử dụng cho các dự án bất động sản của IDI cũng không thuận lợi. Bên cạnh đó, dự án khu liên hợp cảng nước sâu Vàm Cống và khu đô thị phía Nam thị trấn Lấp Vò của IDI vẫn đang trong quá trình đầu tư ban đầu. Chính vì vậy khả năng các dự án này sẽ chưa đem lại doanh thu và lợi nhuận trong năm 2011 mà sẽ đem lại vào các năm sau.

- Tuy nhiên, hiện nay, IDI còn có gần 4ha dự án bất động sản tại xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp có thể bán hoặc cho thuê. Đây chính là dự án bất động sản giúp Công ty đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2011.

- Ngoài ra, Công ty cũng có thể nghiên cứu, tìm hiểu và đầu tư kinh doanh các dự án khác.

Tính đến thời điểm hiện tại, xét về những yếu tố khách quan và chủ quan, các chỉ tiêu đặt ra nêu trên là hoàn toàn nằm trong khả năng thực hiện của Công ty. Với định hướng phát triển của Công ty như trên, kết hợp với xu thế phát triển chung của ngành và nền kinh tế đất nước, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào khả năng phát triển tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng đặt ra cho năm 2010 và 2011.

3. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

4. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán

Không có

5. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I cũng như lĩnh vực hoạt động mà Công ty đang hoạt động, chúng tôi thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của I.D.I ổn định và có tiềm năng phát triển. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I có nhiều lợi thế như:

- Nhà máy sản thủy sản số 1 với dây chuyền hiện đại, công suất thiết kế đạt 600 tấn nguyên liệu/năm, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ cuối năm 2010.

- Hoạt động quảng bá thương hiệu, sản phẩm của Công ty khá tốt, IDI đã ký kết và dự kiến ký kết được nhiều đơn hàng lớn trong năm 2010 và năm 2011.

- Trên cơ sở quỹ đất đang có, Công ty sẽ xúc tiến nhanh các dự án để phát triển nhanh mảng đầu tư bất động sản, đem lại lợi nhuận cao trong các năm tới.
- Giá trị định giá tài sản do Công ty Cp Thông tin và Định giá Tây Nam Bộ thẩm định trên cơ sở thận trọng và theo giá trị thị trường tại thời điểm thẩm định. Giá trị các tài sản này có thể thay đổi trong thời gian tới, đây là một lợi thế lớn của IDI trong quá trình phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tới.

Do vậy, chúng tôi tin tưởng rằng trong các năm tới hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn duy trì tốt và có điều kiện phát triển. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Công ty đề ra trong những năm tới có tính khả thi cao.

Chúng tôi lưu ý rằng, những nhận xét của Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long – đơn vị tư vấn, chỉ có giá trị tham khảo, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý TLS bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

VI. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 VND/cổ phần
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 38.000.000 cổ phần
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết**

Số lượng cổ phiếu của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Kế toán trưởng bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong 6 tháng tiếp theo:

TT	Tên	Số CMND/ ĐKKD	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (cp)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
	Hội đồng quản trị và Ban Điều hành				
1	Công ty cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai An Giang	1600169024	Đại diện: Ông Lê Thanh Thuấn - Chủ tịch HĐQT	8.566.479	22,54
1	Lê Thanh Thuấn	350006170	Chủ tịch HĐQT	4.927.117	12,97
2	Nguyễn Văn Hung	351139667	Phó Chủ tịch HĐQT	483.480	1,27
3	Lê Văn Chung	351393479	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	442.174	1,16
4	Lê Xuân Quế	233088390	Thành viên HĐQT	376.760	0,99
5	Quách Mạnh Hào	012159661	Thành viên HĐQT	0	0
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	Thành viên HĐQT	14.700	0,04
7	Nguyễn Văn San	361902934	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0,00
8	Lê Văn Cảnh	35272634	Phó Tổng Giám đốc	6.400	0,02
9	Nguyễn Minh Dũng	225085841	Phó Tổng Giám đốc	3.000	0,01
10	Đinh Hoài Ân	351156439	Giám đốc tài chính	0	0,00
	Ban kiểm soát				
1	Lê Thị Phượng	171652200	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Thị Hương	351573787	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0
3	Lê Thị Ngọc An	172341816	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0
	Kế toán trưởng				
1	Lê Xuân Định	172620734	Kế toán trưởng	0	0
Tổng cộng				**14.820.110**	**39,00**

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Số lượng cổ phần phát hành riêng lẻ từ ngày 05/7/2010 đến ngày 10/8/2010 bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm từ ngày 10/8/2010 đến 10/8/2011 theo nghị định 01/2010/NĐ-CP ngày 04/01/2010 về chào bán cổ phần riêng lẻ:

TT	Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (cp)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang	1600169024	8.566.479	22,54
2	Lê Thanh Thuấn	350006170	4.855.728	12,78
3	Nguyễn Văn Hung	351139667	483.480	1,27
4	Lê Văn Chung	351393479	422.174	1,16
5	Lê Xuân Quế	351259440	376.760	0,99
6	Trần Văn Cừ	351700797	24.875	0,07
7	Lê Xuân Quang	172345460	46.720	0,12
8	Phạm Văn Đạt	350038725	34.880	0,09
9	Lê Văn Thông	172321457	12.000	0,03
10	Lê Văn Thành	351400599	178.185	0,47
11	Lê Văn Thủy	351627326	84.375	0,22
12	Lê Khắc Tám	350791747	103.640	0,27
	Tổng cộng		**15.189.296**	**40,01**

Nguồn: Báo cáo kết quả đợt chào bán riêng lẻ của IDI

5. Phương pháp tính giá

5.1. Phương pháp tính giá

Phương pháp 1: Tính bình quân P/B

Tính theo phương pháp P/B của các Công ty ngành thủy sản đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. P/B này được tính dựa trên mức giá đóng cửa và giá trị sổ sách của các doanh nghiệp thủy sản niêm yết.

Giá niêm yết dự kiến = BV × P/B tham chiếu

Trong đó:

- BV (Book Value): Giá trị sổ sách của cổ phiếu IDI tại thời điểm 31/12/2010
- P/B tham chiếu: dựa trên P/B của các doanh nghiệp ngành thủy sản đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại một thời điểm cụ thể.

Công thức tính BV như sau:

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng vốn đầu tư đã góp của cổ đông là 380.000.000.000 VND, tương ứng 38.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm

31/12/2010 là 508.362.430.811 VND.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{508.362.430.811}{38.000.000} = 13.378 \text{ VND/cổ phần}$$

Phương pháp 2: Tính bình quân P/E

Phương pháp P/E bình quân dựa trên P/E của các doanh nghiệp ngành thủy sản đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. P/E này dựa trên mức giá đóng cửa và thu nhập trên 1 cổ phần (EPS).

Giá niêm yết dự kiến = EPS × P/E tham chiếu

Trong đó:

- EPS: Thu nhập trên mỗi cổ phiếu của IDI năm 2010

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành}} = \frac{91.642.076.105}{27.873.803} = 3.288 \text{ VND/cổ phần}$$

- P/E tham chiếu: dựa trên P/E của các doanh nghiệp ngành thủy sản đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại một thời điểm cụ thể.

5.2. Giá dự kiến niêm yết

Công ty	EPS (VND)	Book value (VND)	Giá (VND) (21/03/2010)	P/E	P/B
ABT	6.844,99	32.596,13	37.800,00	5,52	1,16
ACL	5.417,93	20.755,59	24.900,00	4,60	1,20
AGD	5.287,36	21.023,66	27.500,00	5,20	1,31
ANV	1.134,50	22.693,87	11.500,00	10,14	0,51
ATA	4.560,57	15.462,55	22.300,00	4,89	1,44
SJ1	3.001,92	25.116,90	27.200,00	9,06	1,08
VHC	4.608,09	20.247,54	24.700,00	5,36	1,22
Trung bình				6,40	1,13

- Định giá theo phương pháp so sánh (P/E, P/BV): phản ánh thông tin hiện tại trên thị trường cũng như khả năng chấp nhận của nhà đầu tư đối với giá cổ phiếu của doanh nghiệp trên cơ sở so sánh với các doanh nghiệp khác tương đương. Ưu điểm của mô hình này là sử dụng phương pháp so sánh đơn giản, phản ánh được mức giá của doanh nghiệp trong ngắn hạn. Tuy nhiên, độ tin cậy của kết quả định giá có thể không cao do hạn chế trong việc lựa chọn các doanh nghiệp tương đương và phụ thuộc nhiều vào yếu tố thị trường.
- Số liệu sử dụng được thu thập từ 07 công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản (cá da trơn) để thực hiện so sánh và định giá đối với Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia. Qua đó chúng tôi sử dụng mức P/E và P/BV trung bình để tính toán đối với cổ phiếu của IDI.
- Chúng tôi sử dụng giá cổ phiếu của các công ty vào ngày 21/03/2011. Số liệu EPS được tính dựa trên lũy kế 4 quý liên tiếp trong năm 2010. Số liệu book value cũng được tính tại thời điểm 31/12/2010.

Theo phương pháp P/E thì:

Giá của IDI = 3.288 x 6,40 = 21.027,52 VND/cổ phiếu

Theo phương pháp P/B thì:

Giá của IDI = 13.378 x 1,13 = 15.134,63 VND/cổ phiếu

Với các số liệu trên, mức giá của IDI lần lượt trong hai phương pháp P/E và P/B là 21.027,52 VND/cổ phiếu và 15.134,63 VND/cổ phiếu. Kết hợp cả hai phương pháp trên với tỷ trọng của các phương pháp là 0,5 thì mức giá dự kiến niêm yết của IDI là:

Giá dự kiến niêm yết của IDI = 21.027,52 * 0,5 + 15.134,63 * 0,5 = 18.081,07 VND/cổ phiếu

Giá niêm yết của IDI là: 18.000 VND/cổ phiếu

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng.

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty có 01 nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,026% tổng số cổ phần lưu hành của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1.Thuế đối với công ty

- Thuế suất thuế GTGT đối với kinh doanh thủy sản nội địa hiện tại là 5%, xuất khẩu là 0%.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%.
- Ngoài ra, hiện tại Công ty đang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

7.2.Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

❖ *Đối với nhà đầu tư cá nhân*

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
  - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
  - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ *Đối với nhà đầu tư tổ chức*

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

❖ **Tổ chức tư vấn**

Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long (TLS)

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.04) 37262600

Fax: (84. 04) 37262601

❖ **Tổ chức kiểm toán**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

Trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38205944-38205947

Fax: (84.8) 38205942

Đồng Tháp, ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH NGỌC

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ THANH THUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN SAN

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

ĐINH HOÀI ÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ XUÂN ĐỊNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LÊ THỊ PHƯỢNG